

VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
**HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

---

**NGUYỄN VĂN CHẠM**

**HOẠT ĐỘNG THU THẬP, ĐÁNH GIÁ, SỬ DỤNG CHỨNG  
CỨ TRONG ĐIỀU TRA TỘI CỐ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH  
HOẶC GÂY TÔN HẠI CHO SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI  
KHÁC THEO PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM  
TỪ THỰC TIỄN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**HÀ NỘI - 2017**

VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN VĂN CHẠM

HOẠT ĐỘNG THU THẬP, ĐÁNH GIÁ, SỬ DỤNG CHỨNG  
CỨ TRONG ĐIỀU TRA TỘI CỐ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH  
HOẶC GÂY TÔN HẠI CHO SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI  
KHÁC THEO PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM  
TỪ THỰC TIỄN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Chuyên ngành: Luật hình sự và tố tụng hình sự

Mã ngành: 60.38.01.04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

PGS.TS. TRẦN VĂN ĐỘ

HÀ NỘI - 2017

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, dữ liệu và một số kiến thức của các tác giả khác trong luận văn này được sử dụng trung thực, có đầy đủ nguồn dữ liệu đáng tin cậy theo quy định của một công trình khoa học. Kết quả nghiên cứu trong luận văn là trung thực và chưa từng được công bố tại bất kỳ công trình khoa học nào.

**TÁC GIẢ LUẬN VĂN**

**Nguyễn Văn Chạm**

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ HOẠT ĐỘNG THU THẬP, ĐÁNH GIÁ, SỬ DỤNG CHỨNG CỨ TRONG ĐIỀU TRA TỘI CÓ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TỒN HẠI CHO SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC</b> .....	7
1.1. Nhận thức chung về chứng cứ trong điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác .....	7
1.2. Nhận thức về hoạt động thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ trong điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác .....	18
<b>Chương 2: THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG THU THẬP, ĐÁNH GIÁ, SỬ DỤNG CHỨNG CỨ TRONG ĐIỀU TRA TỘI CÓ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TỒN HẠI CHO SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC Ở TỈNH BÌNH PHƯỚC</b> .....	24
2.1. Tình hình và đặc điểm hình sự của tội phạm cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn tỉnh Bình Phước.....	24
2.2. Hoạt động thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ trong điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác ở tỉnh Bình Phước...33	
2.3. Đánh giá, nhận xét thực trạng hoạt động thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ trong điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác ở tỉnh Bình Phước .....	54
<b>Chương 3: GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG THU THẬP, ĐÁNH GIÁ, SỬ DỤNG CHỨNG CỨ TRONG ĐIỀU TRA TỘI CÓ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TỒN HẠI CHO SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC Ở TỈNH BÌNH PHƯỚC</b> .....	60
3.1. Dự báo các yếu tố tác động đến hoạt động thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ trong điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác ở tỉnh Bình Phước trong thời gian tới.....	60

3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ trong điều tra tội cố ý gây thương tích theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Bình Phước .....64

**KẾT LUẬN** .....75

**DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO** .....77

**PHỤ LỤC**

## **DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT**

CQĐT	: Cơ quan điều tra
ĐTV	: Điều tra viên
KSĐT	: Kiểm sát điều tra
KSV	: Kiểm sát viên
THQCT	: Thực hành quyền công tố
THTT	: Tiến hành tố tụng
TNHS	: Trách nhiệm hình sự
TP	: Thẩm phán
TTHS	: Tố tụng hình sự
VAHS	: Vụ án hình sự
VKS	: Viện kiểm sát

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu

Tính mạng, sức khỏe con người là vô giá, bất khả xâm phạm, được pháp luật bảo vệ. Quyền được sống, được tôn trọng và bảo vệ sức khỏe là quyền cơ bản hàng đầu của con người, của công dân. Hiến pháp năm 2013 đã thể hiện tinh thần bảo vệ các quyền con người thông qua nhiều quy định mà trước hết Điều 20 khẳng định “Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm”. Điều 31 Hiến pháp năm 2013 khẳng định: “Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự luật định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật”. Điều 9 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 quy định: "Không ai bị coi là có tội và phải chịu hình phạt khi chưa có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật", Điều 13 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 quy định “Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định và có bản án kết tội của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Khi không đủ và không thể làm sáng tỏ căn cứ để buộc tội, kết tội theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định thì cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải kết luận người bị buộc tội không có tội”. Điều đó có nghĩa chừng nào chưa có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật thì người bị buộc tội vẫn được coi là người chưa có tội. Như vậy, hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ là hoạt động mang tính chất quyết định, xác định một người có tội hay không có tội và là tội gì. Đây là nội dung cơ bản của việc áp dụng pháp luật hình sự trong quá trình giải quyết vụ án và là một trong những biện pháp đưa các quy phạm pháp luật vào cuộc sống. Trên cơ sở xác định người phạm tội đã thực hiện hành vi phạm tội gì, quy định tại điều, khoản nào của Bộ luật hình sự, cơ quan có thẩm quyền (Tòa án) sẽ quyết định một hình phạt phù hợp đối với hành vi phạm tội đó. Vì thế, hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ được xem là tiền đề, điều kiện cho việc điều tra, truy tố, xét xử đúng đắn, góp phần mang lại hiệu quả trong đấu

tranh phòng chống tội phạm. Trong trường hợp hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ không chính xác, khách quan, sẽ liên quan đến nhiều hậu quả pháp lý khác là oan, sai, kéo dài thời gian giải quyết vụ án... Luật tố tụng hình sự quy định việc thu thập, đánh giá chứng cứ phải khách quan, toàn diện, đầy đủ. Nhưng trong thực tiễn không ít những vụ án hình sự có rất nhiều quan điểm trái ngược nhau trong việc thu thập, đánh giá chứng cứ, có những vụ án qua nhiều cấp xét xử (sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm). Song mỗi một bản án lại đánh giá khác nhau. Có tình trạng trên chính là sự khác nhau trong nhận thức, trong thu thập, sử dụng, đánh giá chứng cứ trong vụ án.

Theo báo cáo kết quả giải quyết các loại án hình sự của Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Bình Phước, trong 05 năm từ năm 2011 – 2015 đã khởi tố điều tra với 5138 vụ/10016 bị can; trong đó tội cố ý gây thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe của người khác 716 vụ/1319 bị can chiếm tỷ lệ hơn 13,93%; Riêng các vụ án cố ý gây thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe của người khác Tòa án trả điều tra bổ sung cho Viện kiểm sát 45 vụ/119 bị cáo chiếm tỷ lệ 6,64%, Viện kiểm sát trả cho Cơ quan điều tra 22 vụ/48 bị can chiếm tỷ lệ 3,24%, lý do trả điều tra bổ sung là bổ sung chứng cứ, nhiều vụ án phải gia hạn thời hạn điều tra, có vụ án kéo dài 1-2 năm mới giải quyết được; Cơ quan điều tra đình chỉ điều tra 05 vụ/04 bị can... cho thấy các cơ quan tiến hành tố tụng còn bộc lộ những hạn chế như: Không thu thập đầy đủ kịp thời các loại chứng cứ, có khi vi phạm cả thủ tục thu thập chứng cứ, không đánh giá đúng giá trị của từng chứng cứ và xác định chính xác mối liên hệ giữa các chứng cứ trong tổng thể hệ thống toàn diện chứng cứ trong từng vụ án cố ý gây thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe của người khác cụ thể. Có sự khác nhau trong nhận thức, trong phương pháp phân tích đánh giá chứng cứ giữa những người tiến hành tố tụng của vụ án... Những hạn chế này đã làm cho điều tra khám phá các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác kéo dài, số vụ án được trả điều tra bổ sung nhiều, còn có vụ đình chỉ.

Do vậy, việc nghiên cứu làm sáng tỏ lý luận về hoạt động thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ trong điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức



khỏe của người khác, cũng như thực tiễn hoạt động thu thập, đánh giá và sử dụng chứng cứ trong điều tra vụ án cố ý gây thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe của người khác của các cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Bình Phước, từ đó đề xuất những giải pháp để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động này có ý nghĩa quan trọng trước diễn biến phức tạp của loại tội phạm này và là yêu cầu cần được đặt ra cấp thiết. Chính vì vậy, tôi chọn đề tài: “Hoạt động thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ trong điều tra vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo Luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn địa bàn tỉnh Bình Phước”, làm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Luật học.

## **2. Tình hình nghiên cứu đề tài**

Luận án Tiến sĩ luật học: “Thu thập, đánh giá và sử dụng chứng cứ trong điều tra vụ án hình sự ở Việt Nam hiện nay” của tác giả Đỗ Văn Đương (2000); Luận văn Thạc sĩ Luật học “Thu thập, đánh giá và sử dụng chứng cứ trong điều tra các vụ án cố ý gây thương tích trên địa bàn Thành Phố Hà Nội, thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả” của tác giả Nguyễn Thanh Tùng (2004); Luận văn Thạc sĩ Luật học “Thu thập, đánh giá và sử dụng chứng cứ trong điều tra vụ án giết người theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh” của tác giả Huỳnh Tấn Hải (2013); Luận văn Thạc sĩ Luật học “Thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra tội giết người theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Bình Phước” của tác giả Nguyễn Quốc Hân (2015). Ngoài ra còn có một số Luận án, Luận văn nghiên cứu về tội phạm cố ý gây thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe của người khác dưới các góc độ khác nhau như: Đặc điểm tội phạm học, nguyên nhân và điều kiện của tội phạm công tác phòng ngừa... Ngoài ra các nhà khoa học và một số tác giả cũng đã quan tâm đến một số nội dung của quá trình chứng minh trong vụ án hình sự và đã đề cập đến trong một số giáo trình, sách, tài liệu, tạp chí chuyên ngành như: Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự; Hà Nội 1992; Viện nghiên cứu khoa học pháp lý (Bộ Tư pháp). Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam; Nxb Công an nhân dân; Hà Nội - 2002; do GS TS. Võ Khánh Vinh chủ biên. Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự; Nxb Công an nhân dân; Hà Nội -

2004; doGS TS. Võ Khánh Vinh chủ biên; Đề cương bài giảng học phần Chứng cứ, chứng minh: Những vấn đề lý luận và thực tiễn” của TS. Đặng Quang Phương.

Các công trình nêu trên chủ yếu đi sâu nghiên cứu về mặt lý luận quá trình chứng minh trong điều tra vụ án hình sự. Hiện nay chưa có đề tài nào đi sâu nghiên cứu và đề xuất các giải pháp cụ thể về hoạt động thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ trong điều tra vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nói chung, từ thực tiễn tỉnh Bình Phước nói riêng.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

- Mục đích của việc nghiên cứu là trên cơ sở sáng tỏ lý luận về hoạt động thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ trong điều tra vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, đánh giá hoạt động thu thập, đánh giá và sử dụng chứng cứ trong điều tra của các cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Bình Phước, Luận văn đưa ra một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ trong điều tra vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

- Để đạt được mục đích nghiên cứu trên, các nhiệm vụ nghiên cứu đặt ra là:

+ Nghiên cứu các vấn đề lý luận về thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ trong điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác;

+ Đánh giá thực tiễn thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ trong điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác ở tỉnh Bình Phước;

+ Kiến nghị các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ trong điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác;

### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

- Đối tượng nghiên cứu: Nghiên cứu thực trạng hoạt động thu thập, đánh giá và sử dụng chứng cứ trong điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác của các cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Bình Phước trên cơ

sở Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, năm 2015 và những văn bản pháp luật có liên quan.

- Phạm vi nghiên cứu: Về không gian là địa bàn tỉnh Bình Phước, về thời gian từ năm 2011 đến 2015.

### **5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

Đề tài được nghiên cứu trên cơ sở phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng về chính sách hình sự; quan điểm, đường lối xử lý các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm nói chung và tội cố ý gây thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe của người khác nói riêng.

Phương pháp nghiên cứu: Luận văn sử dụng các phương pháp cụ thể như: Phương pháp thống kê, so sánh, phân tích và tổng hợp, nghiên cứu thực tiễn thông qua những hồ sơ vụ án, bản kết luận điều tra, bản án, quyết định, báo cáo tổng kết của Cơ quan điều tra, Công an tỉnh Bình Phước.

### **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của Luận văn**

Kết quả nghiên cứu của Luận văn có ý nghĩa về khoa học cũng như thực tiễn.

- Về khoa học: Luận văn góp tiếng nói khiêm tốn vào lý luận về thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ trong điều tra các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

- Về thực tiễn: Kết quả nghiên cứu có thể được tham khảo trong hoạt động lập pháp cũng như thực tiễn hoạt động điều tra các vụ án về các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

- Luận văn có thể làm tài liệu tham khảo trong nghiên cứu, giảng dạy và học tập về tố tụng hình sự, điều tra tội phạm.

### **7. Cơ cấu của Luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung của luận văn gồm 3 chương như sau:

**Chương 1:** Những vấn đề lý luận về thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ trong điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

**Chương 2:** Thực trạng hoạt động thu thập, đánh giá và sử dụng chứng cứ trong điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác ở tỉnh Bình Phước

**Chương 3:** Một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ trong điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác ở tỉnh Bình Phước.

## Chương 1

# NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ HOẠT ĐỘNG THU THẬP, ĐÁNH GIÁ, SỬ DỤNG CHỨNG CỨ TRONG ĐIỀU TRA TỘI CÓ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TỒN HẠI CHO SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC

## 1.1. Nhận thức chung về chứng cứ trong điều tra vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

### 1.1.1. Khái niệm và những dấu hiệu pháp lý của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

#### 1.1.1.1. Khái niệm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Qua nghiên cứu các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam cho thấy: Khi nói đến tội phạm cố ý gây thương tích nghĩa là đề cập đến một nhóm tội danh được quy định tại các điều 104, 105, 106 của Bộ luật hình sự năm 1999. Cụ thể:

\* Khoản 1 Điều 104 BLHS quy định: “*Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm:*

- a. Dùng hung khí nguy hiểm hoặc dùng thủ đoạn gây nguy hại cho nhiều người.
- b. Gây cố tật nhẹ cho nạn nhân.
- c. Phạm tội nhiều lần đối với cùng một người hoặc đối với nhiều người.
- d. Đối với trẻ em, phụ nữ đang có thai, người già yếu, ốm đau hoặc người khác không có khả năng tự vệ.
- đ. Đối với ông, bà, cha, mẹ, người nuôi dưỡng, thầy giáo, cô giáo của mình.
- e. Có tổ chức.
- g. Trong thời gian đang bị tạm giữ, tạm giam hoặc đang bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục.
- h. Thuê gây thương tích hoặc gây thương tích thuê.
- i. Có tính chất côn đồ hoặc tái phạm nguy hiểm.

*k. Để cản trở người thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân.”*

*\* Khoản 1 Điều 105 BLHS quy định: “ Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60% trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân đối với người đó hoặc đối với người thân thích của người đó, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến một năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến hai năm.”*

*\* Tại khoản 1 Điều 106 BLHS quy định: “ Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 31% trở lên hoặc dẫn đến chết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến một năm.”[12, tr.102,104]*

Từ các quy định trên của Bộ luật hình sự cho thấy: Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do lỗi cố ý là dấu hiệu bắt buộc của loại tội phạm này.

Hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác được hiểu là:

- Gây thương tích cho người khác: Là hành vi mà người phạm tội dùng sức mạnh vật chất tác động lên thân thể người khác làm cho người đó có những thương tích nhất định (để lại dấu vết). Việc dùng sức mạnh vật chất có thể bằng chân tay hoặc các công cụ phương tiện hỗ trợ như dao, súng, gậy.... làm cho nạn nhân bị thương hay mất đi một hay nhiều bộ phận trên thân thể.

- Gây tổn hại cho sức khỏe của người khác: Là hành vi dùng các thủ đoạn khác nhau (dung độc tố, hoá chất...) làm suy giảm hoặc mất đi chức năng của một hoặc nhiều cơ quan thuộc cơ thể con người mà không gây tổn hại về thực thể các cơ quan đó.

Người khác nói ở đây được hiểu là trường hợp không phải gây thiệt hại cho sức khỏe của chính bản thân mình. Nếu trường hợp gây thiệt hại cho sức khỏe của

chính bản thân mình để trốn tránh nghĩa vụ phải làm thì tùy trường hợp cụ thể để có thể xem xét trách nhiệm hình sự theo tội danh khác.

+ Do lỗi cố ý: “Lỗi là thái độ tâm lý của một người đối với hành vi nguy hiểm cho xã hội, đối với hậu quả do hành vi đó gây ra cho xã hội hoặc khả năng gây ra hậu quả đó, được thể hiện dưới hình thức cố ý hoặc vô ý”[33, tr. 200].

Người phạm tội cố ý gây thương tích thực hiện hành vi với hình thức lỗi cố ý. Tại Điều 9- BLHS quy định: “*Cố ý phạm tội là phạm tội trong những trường hợp sau đây:*

1. *Người phạm tội nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả của hành vi đó và mong muốn hậu quả xảy ra;*

2. *Người phạm tội nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả của hành vi đó có thể xảy ra, tuy không mong muốn nhưng vẫn có ý thức để mặc cho hậu quả xảy ra.”*[12, tr. 52, 53]

Điều đó chứng tỏ việc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là do ý thức chủ quan của người phạm tội.

Như vậy, Tội cố ý gây thương tích là một loại tội phạm hình sự, trong đó người phạm tội có hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác một cách trái pháp luật.

1.1.1.2. *Dấu hiệu pháp lý của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác*

**\* Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (Điều 104 BLHS).**

Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác có các dấu hiệu pháp lý như sau:

- *Khách thể của tội phạm:* Tội phạm xâm phạm vào quyền được bảo vệ sức khỏe của con người.

- *Mặt khách quan của tội phạm:*

+ Hành vi bao gồm gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe cho người khác;

+ Về hậu quả: Tội phạm này được xác định qua mức độ thương tích, hoặc mức độ tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân từ 11% trở lên. Mức độ thương tích hoặc mức độ tổn hại sức khỏe được xác định qua kết quả giám định của Hội đồng giám định y khoa.

Ngoài ra tại Điều 104 BLHS còn quy định 10 trường hợp cụ thể từ điểm a đến điểm k khoản 1 làm cơ sở để xác định cấu thành cơ bản khi mức độ thương tật dưới 11% hoặc tăng nặng khung hình phạt.

- *Mặt chủ quan của tội phạm*: Tội phạm được thực hiện với hình thức lỗi cố ý.

- *Chủ thể của tội phạm*: là người không ở trong tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi theo luật định.

**\* Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (Điều 105 BLHS).**

Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh được thể hiện như sau:

- *Khách thể của tội phạm*: Tội phạm xâm phạm quyền được bảo vệ sức khỏe của con người.

- *Mặt khách quan của tội phạm*:

+ Hành vi khách quan của tội phạm là hành vi gây thương tích cho người khác.

+ Về hậu quả, điều luật quy định mức độ thương tật cho người khác phải từ 31% trở lên.

- *Mặt chủ quan của tội phạm*:

+ Tội phạm được thực hiện với hình thức lỗi cố ý.

+ Người thực hiện hành vi trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân gây nên đối với người phạm tội hoặc đối với người thân của người phạm tội.

- *Chủ thể của tội phạm*: Tội phạm được thực hiện do người không ở trong tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự, đạt độ tuổi từ 16 tuổi trở lên.



**\* Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng (Điều 106 BLHS)**

Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng có các dấu hiệu:

- *Khách thể của tội phạm:* Tội phạm xâm phạm quyền được bảo vệ sức khỏe của con người.

- *Mặt khách quan của tội phạm:*

+ Hành vi khách quan của tội phạm là hành vi gây thương tích cho người khác.

+ Về dấu hiệu hậu quả: Điều luật quy định mức độ thương tật cho nạn nhân phải từ 31% trở lên hoặc dẫn đến chết người mới cấu thành tội phạm.

- *Mặt chủ quan của tội phạm:*

+ Tội phạm được thực hiện với hình thức lỗi cố ý.

+ Động cơ của hành vi là cần thiết để bảo vệ lợi ích của Nhà nước, của tập thể, lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác. Nói cách khác, dấu hiệu vượt quá giới hạn của chế định phòng vệ chính đáng, gây thiệt hại rõ ràng vượt quá sự cần thiết đó.

- *Chủ thể của tội phạm:* Tội phạm được thực hiện bởi người không ở trong tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự, đạt độ tuổi từ 16 tuổi trở lên.[9, tr. 67,69]

**Như vậy:** Mặc dù dấu hiệu pháp lý của tội cố ý gây thương tích được quy định ở 3 tội danh cụ thể nhưng đều có đặc trưng chung là: Tội phạm đã xâm phạm vào quyền bảo vệ sức khỏe của con người; đều có hành vi gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, do lỗi cố ý. Tội phạm cố ý gây thương tích được thực hiện bởi người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi nhất định. Trong đó, dấu hiệu bắt buộc về mặt hậu quả của loại tội phạm này là để lại thương tích cho nạn nhân với mức độ thương tật theo luật định.

Một vấn đề mà theo chúng tôi cần phải lưu ý là, mặc dù về mặt khách quan, hành vi được quy định tại các Điều 104, 105, 106 BLHS là giống nhau (đều là hành

vi gây thương tích hoặc gây tổn hại về sức khoẻ của người khác). Nhưng theo chúng tôi thì trong các tội quy định tại các Điều 105, 106 BLHS, theo bản chất của tội phạm, thì hành vi khách quan chỉ là gây thương tích; mà không thể có hành vi gây tổn hại sức khoẻ. Thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử cũng chứng minh điều đó.

### ***1.1.2. Một số vấn đề về chứng cứ trong điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác***

#### *1.1.2.1. Khái niệm chứng cứ và các thuộc tính của chứng cứ*

##### - Khái niệm chứng cứ:

Điều 64 Bộ luật TTHS năm 2003 quy định khái niệm về chứng cứ như sau: “*Chứng cứ là những gì có thật được thu thập theo trình tự, thủ tục do Bộ luật TTHS quy định mà CQĐT, VKS và Tòa án dùng làm căn cứ để xác định có hay không có hành vi phạm tội, người thực hiện hành vi phạm tội cũng như những tình tiết khác cần thiết cho việc giải quyết đúng đắn vụ án*” [11, tr. 46]

Tuy có nhiều quan điểm, ý kiến chưa đồng tình với khái niệm về chứng cứ nêu trên, nhưng đến thời điểm này, nhưng quy định tại Điều 64 Bộ luật TTHS năm 2003 chính là căn cứ pháp lý hiện hành cho việc xác định chứng cứ trong hoạt động điều tra, truy tố và xét xử trong thực tiễn.

##### - Các thuộc tính của chứng cứ:

Chứng cứ trong luật tố tụng hình sự được sử dụng làm phương tiện duy nhất để chứng minh tội phạm, làm rõ các tình tiết của vụ án. Cho nên, chứng cứ được sử dụng trong vụ án hình sự phải bảo đảm đầy đủ ba thuộc tính quan trọng là tính khách quan, tính liên quan và tính hợp pháp. Việc nắm vững các thuộc tính của chứng cứ và tính đặc thù của chứng cứ trong điều tra vụ án cố ý gây thương tích giúp cho các cơ quan THTT thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ có hiệu quả trong quá trình chứng minh vụ án.

- Tính khách quan của chứng cứ: Chứng cứ trong vụ án cố ý gây thương tích phải là những gì có thật, tính có thật thể hiện qua những sự kiện, hiện tượng tồn tại một cách khách quan trong thực tế mà chúng ta có thể cảm nhận được, ghi nhận được bằng các giác quan, không phải do tưởng tượng, xuyên tạc, bịa đặt hay được

hình thành từ trong ý thức chủ quan của con người. Tính có thật ở đây phải được hiểu là những thông tin phản ánh xác thực về những gì có thật tồn tại một cách khách quan trong thực tế. [8, tr. 80]

Trong thực tế điều tra các vụ án cố ý gây thương tích, thuộc tính khách quan được đánh giá là một thuộc tính quan trọng đòi hỏi các cơ quan THTT phải hết sức thận trọng trong việc xác định thuộc tính này. Bởi vì, các sự kiện, hiện tượng không có thật thường rất đa dạng, phức tạp như do không muốn nhận tội hoặc muốn giảm nhẹ TNHS đối tượng thường khai báo gian dối, quanh co, đưa thêm vào các thông tin, tài liệu không có thật nhưng có lợi cho bản thân hoặc đổ tội cho đồng phạm khác, cường điệu hóa các tình tiết của vụ án... Cũng có thể những sự kiện không có thật được hình thành do những ảnh hưởng từ những yếu tố khách quan nằm ngoài ý muốn chủ quan của con người hoặc do những hạn chế về khả năng ghi nhận lại thông tin về sự kiện xảy ra của người làm chứng. Do vậy, khi thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ bắt buộc CQĐT phải hết sức thận trọng vì nếu sử dụng những thông tin, tài liệu không có thật thì chắc chắn dẫn đến sai lầm nghiêm trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, làm giảm lòng tin của công dân vào pháp luật.

- Tính liên quan của chứng cứ: Chứng cứ trong điều tra vụ án cố ý gây thương tích phải có tính liên quan, tức là phải chứng minh được có hay không có hành vi phạm tội, người phạm tội, và những tình tiết khác cần thiết cho việc giải quyết đúng đắn VAHS. Việc làm sáng tỏ thuộc tính này cho thấy chứng cứ trong điều tra vụ án cố ý gây thương tích nhất thiết phải là những thông tin, tài liệu có liên quan đến vụ án. Việc nắm vững thuộc tính này của chứng cứ có ý nghĩa rất quan trọng, nó giúp cho quá trình thu thập chứng cứ được toàn diện, đầy đủ, không bỏ sót chứng cứ và cũng không thu thập chứng cứ một cách tràn lan, gây khó khăn cho việc chứng minh vụ án. Hay nói cách khác, việc xác định đúng đắn phạm vi và giới hạn chứng minh có ý nghĩa rất quan trọng trong nâng cao hiệu quả điều tra vụ án.

- Tính hợp pháp của chứng cứ: Chứng cứ trong điều tra vụ án cố ý gây thương tích phải có tính hợp pháp, tức là phải được thu thập từ các nguồn chứng cứ

như nguồn vật chứng, kết luận giám định, biên bản hoạt động điều tra, xét xử, lời khai... và bằng các biện pháp, trình tự, thủ tục do Bộ luật TTHS quy định.

Trong thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm cố ý gây thương tích cho thấy, chứng cứ chứng minh vụ án không chỉ được thu thập theo các trình tự, thủ tục do Bộ luật TTHS quy định mà nó còn được thu thập theo trình tự, thủ tục khác. Tuy nhiên, những thông tin, tài liệu này phải được chuyển hoá thành chứng cứ theo thủ tục, trình tự Bộ luật TTHS quy định.

Trong quá trình tiến hành điều tra vụ án, nếu các cơ quan THTT vi phạm các quy định của pháp luật trong thu thập thông tin, tài liệu như dùng nhục hình, bức cung, mớm cung... để lấy lời khai thì cho dù những thông tin, tài liệu đó có là sự thật, có liên quan đến vụ án thì vẫn không được coi là chứng cứ.

Như vậy, qua việc nghiên cứu các thuộc tính của chứng cứ trong điều tra vụ án cố ý gây thương tích, chúng ta có thể xác định được vai trò và mối liên hệ giữa các thuộc tính của chứng cứ trong chứng minh vụ án. Ba thuộc tính của chứng cứ có mối quan hệ biện chứng với nhau, không thể tách rời hoặc thiếu bất kỳ thuộc tính nào, nếu thiếu một trong ba thuộc tính, chứng cứ sẽ mất giá trị chứng minh và không còn là chứng cứ nữa. Trong ba thuộc tính đó thì tính khách quan và tính liên quan là mặt nội dung của chứng cứ, tính hợp pháp là mặt hình thức của chứng cứ. [8, tr. 82]

#### *1.1.2.2. Nguồn của chứng cứ và phân loại chứng cứ*

##### *- Nguồn chứng cứ.*

Nguồn chứng cứ là nơi chứa đựng chứng cứ. Pháp luật tố tụng hình sự nước ta đã quy định chặt chẽ về nguồn chứng cứ, do vậy những chứng cứ mà cơ quan tiến hành tố tụng thu thập không phải từ nguồn quy định thì không được coi là chứng cứ, hay nói cách khác nó không có giá trị chứng minh. Khoản 2 Điều 64 BLTTHS năm 2003 quy định: “*Chứng cứ được xác định bằng: Vật chứng; lời khai người làm chứng, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo; kết luận giám*

*định; biên bản về hoạt động điều tra, xét xử và các tài liệu, đồ vật khác*". [11, tr. 46]

**Vật chứng:** Theo Điều 74 BLTTHS năm 2003, vật chứng được hiểu là “*vật được dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội, vật mang dấu vết tội phạm, vật là đối tượng của tội phạm cũng như tiền bạc và những vật khác có giá trị chứng minh tội phạm và người phạm tội*”. Như vậy, vật chứng là: 1/ vật dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội; 2/ vật mang dấu vết tội phạm; 3/ vật là đối tượng của tội phạm mà người phạm tội tác động đến; 4/ tiền và những vật khác có giá trị chứng minh tội phạm và người phạm tội.

Vật chứng là một trong những nguồn chứng cứ quan trọng, nó ghi nhận chính xác những sự kiện thực tế của vụ án nên giá trị chứng minh của nó trong vụ án hình sự có thể là rất cao và trong nhiều trường hợp, không có chứng cứ này, vụ án rơi vào bế tắc. Với đặc tính là vật, vật chứng tồn tại một cách khách quan, nó lưu giữ các dấu vết xảy ra trong hiện thực bởi vậy, nó không thể thay thế được bằng bất cứ vật thể nào khác.

**Lời khai:** Lời khai của người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, người làm chứng, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan đến vụ án cũng là một nguồn chứng cứ rất quan trọng. Dạng nguồn chứng cứ thứ hai này có sự khác biệt so với vật chứng. Lời khai được hình thành từ tư duy, ý thức của con người. Chính vì vậy, tính khách quan của lời khai không được đảm bảo như vật chứng, đặc biệt là trong trường hợp người khai báo lại có mối liên quan ít hay nhiều đến vụ án. Tùy từng đối tượng tham gia với tư cách nào trong vụ án như: Người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, người bị hại, người làm chứng, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự... và mối quan hệ của họ với nhau mà mỗi lời khai lại có những ảnh hưởng của đặc điểm tâm lý khác nhau.

**Kết luận giám định.** Đây là một nguồn chứng cứ quan trọng vì các chứng cứ này dựa trên kiến thức chuyên môn, khoa học kỹ thuật hay nghệ thuật... làm căn cứ vạch ra sự thật khách quan của vụ án hình sự. Kết luận giám định là một phán quyết mang tính khoa học bởi nó chỉ dựa trên cơ sở khoa học và không phụ thuộc

vào ý chí chủ quan của con người nên khi tìm ra sự thật của vụ án, giá trị chứng minh của kết luận giám định bao giờ cũng mang tính khách quan hơn các nguồn chứng cứ khác.

**Biên bản về hoạt động điều tra, xét xử và các tài liệu, đồ vật khác.** Những biên bản, tài liệu, đồ vật khác cũng có thể được coi là nguồn chứng cứ khi đáp ứng các điều kiện do luật định và chúng được quy định cụ thể tại Điều 77, 78 BLTTHS năm 2003.

Các tài liệu, đồ vật khác trong vụ án hình sự cũng được coi là nguồn chứng cứ có giá trị trong quá trình chứng minh. Đó là các tài liệu, đồ vật có liên quan đến vụ án, không phải do cơ quan tiến hành tố tụng thu thập mà do các cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân cung cấp.

Ngoài các chứng cứ nêu trên, Điều 87 Bộ luật TTHS năm 2015 cũng mở rộng nguồn chứng cứ, theo đó “*Dữ liệu điện tử; kết quả định giá; kết quả thực hiện ủy thác tư pháp và hợp tác quốc tế*” cũng là nguồn chứng cứ. [15, tr. 89]

- Phân loại chứng cứ:

Khoa học luật TTHS Việt Nam phân chia chứng cứ thành các loại khác nhau dựa vào những tiêu chí sau đây:

+ Lấy nguồn gốc hình thành chứng cứ làm tiêu chí phân loại, có thể chia chứng cứ thành hai loại: Chứng cứ thuật lại và chứng cứ gốc:

Chứng cứ gốc là những thông tin thực tế được thu thập từ những người trực tiếp quan sát, tiếp thu sự kiện, từ những vật chứng và những tài liệu gốc, nó là loại chứng cứ được phản ánh trong nguồn trực tiếp mà không qua một khâu trung gian nào.

Chứng cứ thuật lại là chứng cứ được phản ánh trong các nguồn trung gian, như được phản ánh trong các bản sao, trong lời khai của những người không trực tiếp chứng kiến sự việc xảy ra mà chỉ nghe lại thông tin từ người khác rồi khai báo với CQĐT.

Trong điều tra vụ án cố ý gây thương tích, chứng cứ gốc và chứng cứ thuật lại đều có giá trị chứng minh. Thông thường chứng cứ gốc phản ánh tình tiết của vụ

án một cách rõ ràng, đầy đủ và chính xác hơn chứng cứ sao chép, thuật lại. Tuy nhiên, để đảm bảo tính khách quan, chính xác trong quá trình chứng minh vụ án đòi hỏi hoạt động thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ phải tôn trọng cả hai loại chứng cứ trên, không được xem nhẹ chứng cứ sao chép, thuật lại để dẫn đến oan, sai trong quá trình giải quyết VAHS.

+ Dựa vào khả năng chứng minh của chứng cứ đối với những vấn đề cần phải chứng minh trong vụ án cố ý gây thương tích nói riêng và VAHS nói chung, chứng cứ có thể phân chia làm hai loại: Chứng cứ trực tiếp và chứng cứ gián tiếp.

Chứng cứ trực tiếp là chứng cứ chỉ thẳng, làm rõ ngay được một trong những vấn đề cần chứng minh trong quá trình điều tra VAHS, nó giúp cho CQĐT thấy ngay được sự kiện xảy ra có phải là tội phạm hay không, ai là người phạm tội.

Chứng cứ gián tiếp là chứng cứ không tự nó làm rõ được ngay tình tiết nào đó của đối tượng chứng minh, nhưng khi kết hợp với các chứng cứ khác của vụ án thì làm rõ được các tình tiết đó của đối tượng chứng minh.

+ Căn cứ vào mối quan hệ của chứng cứ với đối tượng cần chứng minh trong quá trình giải quyết VAHS, có thể chia chứng cứ làm hai loại: Chứng cứ buộc tội và chứng cứ gỡ tội.

Chứng cứ buộc tội là chứng cứ xác định sự kiện phạm tội, lỗi của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong việc thực hiện tội phạm và những tình tiết tăng nặng TNHS của họ.

Chứng cứ gỡ tội là loại chứng cứ xác định không có sự việc phạm tội, bị can, bị cáo không có lỗi và những tình tiết giảm nhẹ TNHS cho họ.

Chứng cứ buộc tội và chứng cứ gỡ tội có một ý nghĩa vô cùng quan trọng. Vì vậy, trong quá trình giải quyết VAHS nói chung và vụ án cố ý gây thương tích nói riêng đòi hỏi việc thu thập chứng cứ phải được tiến hành theo các quy định của pháp luật, phải thể hiện đầy đủ trong các văn bản tố tụng. Trong quá trình đánh giá và sử dụng chứng cứ đòi hỏi CQĐT không được coi trọng loại chứng cứ này mà xem nhẹ loại chứng cứ kia, để đảm bảo tính khách quan, chính xác trong quá trình

đánh giá, sử dụng chứng cứ cần coi trọng việc thu thập, đánh giá, sử dụng những chứng cứ chứng minh sự vô tội của bị can.[9, tr. 94-96]

## **1.2. Nhận thức về hoạt động thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ trong điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác**

### ***1.2.1. Cơ sở của hoạt động thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ trong điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác***

#### *1.2.1.1. Cơ sở khoa học*

Về bản chất, hoạt động chứng minh VAHS là hoạt động của quá trình nhận thức, xây dựng, tái hiện cụ thể hành vi phạm tội đã xảy ra trong quá khứ bằng việc tiến hành các hoạt động điều tra nhằm thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ trên cơ sở những quy định của pháp luật để làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án như nó đã xảy ra. Để đạt được mục đích trên, các hoạt động điều tra phải nhất thiết được tiến hành dựa trên cơ sở khoa học và phương pháp nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Mỗi vụ phạm tội là một hiện tượng trong thế giới khách quan, được phản ánh ra ngoài thế giới khách quan thông qua các dạng vật chất nhất định. Vì vậy, khi xảy ra bao giờ nó cũng hình thành nên những thông tin theo những quy luật nhất định, các quy luật đó đã chi phối hoạt động điều tra và đây là cơ sở khoa học quan trọng nhất đối với quá trình thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ trong chứng minh VAHS nói chung và vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nói riêng.

#### *1.2.1.2. Cơ sở pháp lý*

Hoạt động thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ trong điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác phải được tiến hành theo các trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, hay nói cách khác, hoạt động đó phải được điều chỉnh bằng pháp luật.

Tại Điều 65 Bộ luật TTHS quy định “*Để thu thập chứng cứ, CQĐT, Viện kiểm sát và Tòa án có quyền triệu tập những người biết về vụ án để hỏi và nghe họ trình bày về những vấn đề có liên quan đến vụ án...*”; Điều 66 Bộ luật TTHS quy định “*Mỗi chứng cứ phải được đánh giá để xác định tính hợp pháp, xác thực và liên*



*quan đến vụ án. Việc xác định các chứng cứ thu thập được phải bảo đảm đủ để giải quyết vụ án hình sự*". Như vậy, những quy phạm pháp luật được thể hiện trong Điều 63, Điều 65 và Điều 66 Bộ luật TTHS là một trong những cơ sở pháp lý quan trọng cho hoạt động thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ trong điều tra vụ án nói chung và trong điều tra vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nói riêng.

Các quy định của pháp luật về hoạt động này bao gồm: Các quy phạm pháp luật quy định và điều chỉnh mục đích và đối tượng chứng minh trong VAHS; các quy phạm xác định khái niệm và phân loại chứng cứ, các loại nguồn chứng cứ; các quy phạm quy định giá trị chứng minh của chứng cứ; các quy phạm quy định các biện pháp, trình tự, thủ tục áp dụng các biện pháp này nhằm thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ.

Các quy phạm pháp luật nói trên chính là cơ sở pháp lý của hoạt động thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ trong điều tra VAHS. Ngoài việc quy định về những vấn đề có tính nguyên tắc về trình tự thủ tục và phương pháp tiến hành, khoa học luật TTHS còn quy định một cách sâu sắc những chỉ dẫn cơ bản về phương pháp,

### ***1.2.2. Nội dung hoạt động thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ trong điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam***

#### ***1.2.2.1. Thu thập chứng cứ trong điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác***

Thu thập chứng cứ là tổng hợp các hành vi phát hiện, ghi nhận, thu giữ và bảo quản chứng cứ của các cơ quan có thẩm quyền bằng các biện pháp do luật định.

Điều 10 Bộ luật TTHS quy định: "*CQĐT, VKS và Toà án phải áp dụng mọi biện pháp để xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ, làm rõ những chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định vô tội, những tình tiết tăng nặng và những tình tiết giảm nhẹ TNHS của bị can, bị cáo*". Tại Điều 65 Bộ Luật TTHS quy định: "*Để thu thập chứng cứ, CQĐT, VKS, Toà án có quyền triệu*

*tập những người biết về vụ án để hỏi và nghe họ trình bày về những vấn đề có liên quan đến vụ án, trưng cầu giám định, tiến hành khám xét...” [11, tr. 09,46]*

Dựa trên những quy định của pháp luật và xuất phát từ thực tiễn điều tra các vụ án cố ý gây thương tích, chúng ta có thể khái quát hoạt động thu thập chứng cứ trong điều tra vụ án cố ý gây thương tích như sau: Thu thập chứng cứ trong điều tra vụ án cố ý gây thương tích là quá trình CQĐT áp dụng những biện pháp, phương pháp theo quy định của pháp luật, để phát hiện, mô tả, thu lượm những đồ vật, tài liệu theo trình tự, thủ tục TTHS có liên quan đến vụ án cố ý gây thương tích nhằm làm rõ sự thật vụ án cố ý gây thương tích. Nội dung của hoạt động thu thập chứng cứ bao gồm: Phát hiện, ghi nhận, thu giữ và bảo quản chứng cứ. Phương pháp thu thập chứng cứ được xác định bằng việc tiến hành các hoạt động điều tra tổ tụng sau:

- Tiến hành lấy lời khai của những người biết về vụ án, ví dụ: Hỏi cung bị can (Điều 131 Bộ Luật TTHS); lấy lời khai người làm chứng (Điều 135 Bộ luật TTHS); lấy lời khai người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (Điều 137 Bộ luật TTHS); đối chất (Điều 138 Bộ luật TTHS); nhận dạng (Điều 139 Bộ luật TTHS)

- Tiến hành các hoạt động thu thập dấu vết, tài liệu, đồ vật liên quan đến vụ án, như: khám người (Điều 142 Bộ luật TTHS); khám nghiệm hiện trường (Điều 150 Bộ luật TTHS); thu giữ thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm tại bưu điện (Điều 144 Bộ luật TTHS); khám nghiệm tử thi (Điều 151 Bộ luật TTHS); xem xét dấu vết trên thân thể (Điều 152 Bộ luật TTHS); thực nghiệm điều tra (Điều 153 Bộ luật TTHS).

- Yêu cầu các cơ quan, tổ chức và cá nhân cung cấp tài liệu, trình bày những tình tiết làm sáng tỏ vụ án (Điều 65 Bộ luật TTHS).

- Những người tham gia tố tụng, cơ quan, tổ chức hoặc bất kỳ cá nhân nào đều có thể đưa ra tài liệu, đồ vật và trình bày những vấn đề có liên quan đến vụ án (Điều 65 Bộ luật TTHS).

*1.2.2.2. Đánh giá chứng cứ điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác*

Đánh giá chứng cứ là hoạt động tư duy logic biện chứng của những người THPT trên cơ sở pháp luật Hình sự, pháp luật TTHS, ý thức pháp luật xã hội chủ nghĩa và niềm tin nội tâm nhằm xác định độ tin cậy và giá trị chứng minh của những chứng cứ đã thu thập được.

Điều 66 Bộ luật TTHS quy định: *“Mỗi chứng cứ phải được đánh giá để xác định tính hợp pháp, xác thực và liên quan đến vụ án. Việc xác định các chứng cứ thu thập được phải bảo đảm đủ để giải quyết VAHS. Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán và Hội thẩm xác định, đánh giá mọi chứng cứ với đầy đủ tinh thần trách nhiệm, sau khi nghiên cứu một cách tổng hợp, khách quan, toàn diện và đầy đủ tất cả các tình tiết của vụ án”*.

Bộ luật TTHS nước ta đã đặt ra những nguyên tắc đặc trưng trong việc đánh giá chứng cứ trong điều tra vụ án cố ý gây thương tích nói riêng và VAHS nói chung đó là: Nguyên tắc Thẩm phán và Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; Nguyên tắc tổng thể của chứng cứ trong vụ án; Nguyên tắc giải thích sự nghi ngờ theo hướng có lợi cho bị can, bị cáo [8, tr. 108]. Để hoạt động đánh giá chứng cứ trong điều tra vụ án cố ý gây thương tích đạt hiệu quả cao đòi hỏi ĐTV phải có trình độ, năng lực, kinh nghiệm, sự hiểu biết xã hội, có trách nhiệm cùng với nhận thức sâu sắc, đầy đủ về chứng cứ trong loại án này, nắm rõ đặc điểm pháp lý, phương thức thủ đoạn, quy luật hoạt động của tội phạm cố ý gây thương tích và phải quán triệt yêu cầu là *“không một chứng cứ nào được xác định trước là có hiệu lực chứng minh nếu chứng cứ đó chưa được kiểm tra, đối chiếu với các chứng cứ khác và với thực tế vụ án xảy ra...”*[5, tr. 165]

*1.2.2.3. Sử dụng chứng cứ trong điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác*

Sử dụng chứng cứ trong điều tra vụ án cố ý gây thương tích được hiểu là dùng chứng cứ vào mục đích chứng minh, làm rõ vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

Trong khoa học điều tra, xác định những chứng cứ được dùng trong từng biện pháp điều tra nhằm mục đích phát hiện và thu thập những chứng cứ mới. Ví

dụng, dùng kết quả giám định vật chứng để làm thay đổi thái độ khai báo gian dối của bị can, buộc bị can phải khai báo đúng sự thật. Thứ hai, dùng chứng cứ đã có để kiểm tra, đánh giá tài liệu, chứng cứ mới thu thập được và ngược lại, như: dùng lời khai của người làm chứng để bác bỏ lời khai của bị can. Thứ ba, dùng chứng cứ để xây dựng giả thuyết điều tra, lập kế hoạch điều tra, để xác định các sự kiện làm căn cứ cho việc tiến hành các hoạt động điều tra và ra các quyết định tổ tụng một cách logic. Cuối cùng, bằng tất cả những chứng cứ thu thập được sẽ cho phép CQĐT kết luận và kết thúc vụ án.

Trong quá trình sử dụng chứng cứ, CQĐT cần tuân thủ những nguyên tắc sau đây:

- Chứng cứ đánh giá được đến đâu phải được sử dụng ngay đến đó.
- Sử dụng chứng cứ phải đảm bảo logic, tính toàn diện và đầy đủ. Điều này có nghĩa phải tôn trọng mọi loại chứng cứ, không được thiên lệch trong sử dụng chứng cứ.
- Chấp hành nguyên tắc tôn trọng sự thật khách quan trong sử dụng chứng cứ. Điều này có nghĩa chỉ sử dụng những chứng cứ đã được nghiên cứu, kiểm tra, đánh giá đảm bảo độ tin cậy vững chắc, tuyệt đối không sử dụng những tài liệu, chứng cứ chưa được kiểm tra đánh giá hoặc sử dụng tài liệu, chứng cứ tùy tiện.
- Khi sử dụng chứng cứ phải đảm bảo giá trị chứng minh nhiều lần, không được làm hư hỏng, thất lạc, sai lệch chứng cứ. Chứng cứ không chỉ có giá trị chứng minh một lần, trong một giai đoạn tố tụng mà còn có giá trị chứng minh trong các giai đoạn tố tụng khác.

Tóm lại, việc thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ luôn phải được chú trọng, quan tâm trên cơ sở khách quan, toàn diện, tổng hợp. Và là cơ sở để đề ra kế hoạch giải quyết VAHS, giúp cho quá trình điều tra, truy tố, xét xử có định hướng; nhanh chóng, đạt hiệu quả cao; tránh việc tiến hành các hoạt động TTHS một cách tùy tiện, tràn lan.

***1.2.3. Chủ thể của hoạt động thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ trong điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác***

Điều 10 Bộ luật TTHS quy định CQĐT, VKS và Toà án phải áp dụng mọi biện pháp hợp pháp để xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ, làm rõ những chứng cứ xác định có tội và những chứng cứ xác định vô tội, những tình tiết tăng nặng và những tình tiết giảm nhẹ TNHS của bị can bị cáo. Như vậy, trong TTHS nước ta, trách nhiệm thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ thuộc về CQĐT, VKS và Toà án mà trực tiếp là ĐTV, Kiểm sát viên, Thẩm phán với tư cách là người THPT.

Trong gia đoạn điều tra vụ án hình sự, chủ thể của hoạt động này thuộc về CQĐT và VKS. Trong đó CQĐT giữ vai trò chủ đạo tiến hành tất cả các hoạt động thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ; VKS với chức năng là cơ quan giữ quyền công tố giám sát toàn bộ các hoạt động của CQĐT, tham gia tiến hành một số hoạt động theo chức năng nhiệm vụ được quy định trong Bộ luật TTHS.

### **Kết luận chương 1**

Trong Chương 1, luận văn đã nghiên cứu một số nội dung sau:

- Nhận thức về tội phạm cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, dấu hiệu pháp lý của tội phạm cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác và những vấn đề lý luận cơ bản về chứng cứ, hoạt động thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ trong điều tra vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác;

- Luận văn cũng đã nghiên cứu một cách đầy đủ cơ sở khoa học, cơ sở pháp lý và nội dung của hoạt động thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ trong điều tra các vụ án về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nói riêng và tội phạm nói chung nhằm giúp cho chủ thể có vai trò chủ yếu trong hoạt động này là CQĐT có đầy đủ cơ sở pháp lý và cơ sở khoa học để tiến hành.

Những nội dung đã nghiên cứu ở Chương 1 sẽ là cơ sở lý luận khoa học để luận văn tiến hành nghiên cứu khảo sát, phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ trong điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Bình Phước ở Chương 2.

## Chương 2

# **THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG THU THẬP, ĐÁNH GIÁ, SỬ DỤNG CHỨNG CỨ TRONG ĐIỀU TRA TỘI CỐ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TỒN HẠI CHO SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC Ở TỈNH BÌNH PHƯỚC**

## **2.1. Tình hình và đặc điểm hình sự của tội phạm cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

### **2.1.1. Tình hình tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

- Tình hình tội phạm cố ý gây thương tích trên địa bàn tỉnh Bình Phước từ năm 2011 đến năm 2015 xảy ra 716 vụ, [03] cụ thể là:

- + Năm 2011 xảy ra 157vụ/304 tăng 07 vụ (157/150) so với năm 2010;
- + Năm 2012 xảy ra 146vụ/281 giảm 11 vụ (146/157) so với năm 2011;
- + Năm 2013 xảy ra 150vụ/313 tăng 06 vụ (150/146) so với năm 2012;
- + Năm 2014 xảy ra 125vụ/219 giảm 25 vụ (125/150) so với năm 2013;
- + Năm 2015 xảy ra 138vụ/203 tăng 13 vụ (138/125) so với năm 2014;

Như vậy, hàng năm trên địa bàn tỉnh Bình Phước số vụ phạm tội cố ý gây thương tích xảy ra chiếm tỷ lệ tương đối cao, trung bình 143 vụ/năm, chiếm tỷ lệ 13,93% so với số vụ phạm pháp hình sự. Số vụ phạm tội cố ý gây thương tích xảy ra hàng năm tăng giảm không đều, không tuân theo quy luật nào. Đây là vấn đề khó khăn trong công tác dự báo để đưa ra biện pháp phòng ngừa và điều tra khám phá đối với loại tội phạm này [Bảng 2.1 – Phụ lục].

- Kết quả công tác điều tra loại tội phạm này từ năm 2011 đến năm 2015 [Bảng 2.2 – Phụ lục], cụ thể:

- + Năm 2011 xảy ra 157 vụ, điều tra làm rõ 155 vụ (đạt tỷ lệ 98,7%), số bị can bị khởi tố điều tra xử lý là 304 đối tượng;
- + Năm 2012 xảy ra 146 vụ, điều tra làm rõ 142 vụ (đạt tỷ lệ 97,2%), số bị can bị khởi tố điều tra xử lý là 281 đối tượng;

+ Năm 2013 xảy ra 150 vụ, điều tra làm rõ 147 vụ (đạt tỷ lệ 98%), số bị can bị khởi tố điều tra xử lý là 313 đối tượng;

+ Năm 2014 xảy ra 125 vụ, điều tra làm rõ 120 vụ (đạt tỷ lệ 96%), số bị can bị khởi tố điều tra xử lý là 219 đối tượng;

+ Năm 2015 xảy ra 137 vụ, điều tra làm rõ 136 vụ (đạt tỷ lệ 99,2%), số bị can bị khởi tố điều tra xử lý là 204 đối tượng;

Qua số liệu thống kê cho thấy, kết quả điều tra khám phá tội phạm cố ý gây thương tích cao (đạt tỷ lệ 97,82%), số vụ án chưa điều tra khám phá còn 15 vụ, chiếm tỷ lệ 2,18%. Với chức năng, nhiệm vụ của mình, CQĐT đã phối hợp với các cơ quan chức năng, tích cực điều tra khám phá. Tuy nhiên, do tác động của nhiều yếu tố, trong đó có sự không hiệu quả của công tác thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ nên điều tra tội cố ý gây thương tích còn kéo dài thời gian do trả hồ sơ điều tra bổ sung nhiều 67 vụ chiếm 9,5%, có những vụ trả nhiều lần, nhiều năm mới giải quyết xong. Vì vậy, trong thời gian tới, CQĐT cần phải có biện pháp để khắc phục những hạn chế, nâng cao hiệu quả công tác điều tra, mà trước hết là nâng cao hiệu quả của công tác thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ trong điều tra vụ án cố ý gây thương tích.

### ***2.1.2. Đặc điểm hình sự của tội phạm cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác xảy ra trên địa bàn tỉnh Bình Phước***

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và báo cáo tổng kết của CQĐT đã tiến hành điều tra từ năm 2011 đến năm 2015, rút ra một số đặc điểm hình sự của tội cố ý gây thương tích như sau:

#### ***2.1.2.1. Đặc điểm về thủ đoạn gây án và che giấu tội phạm***

Thủ đoạn hoạt động của các đối tượng cố ý gây thương tích trên địa bàn tỉnh Bình Phước rất đa dạng và phức tạp, người phạm tội có thể chuẩn bị từ trước với những toan tính cụ thể, nhưng cũng có vụ án người phạm tội không có thủ đoạn chuẩn bị, không có ý định từ trước mà chỉ khi gặp bị hại hoặc trong điều kiện nhất định mới nảy sinh ý định và thực hiện hành vi phạm tội.

Nghiên cứu những vụ án cố ý gây thương tích trên địa bàn tỉnh Bình Phước có chuẩn bị từ trước, thủ đoạn gây án của người phạm tội thể hiện cụ thể ở ba giai đoạn:

- Chuẩn bị gây án: Đây là giai đoạn người phạm từ chỗ nảy sinh ý định (chuẩn bị tư tưởng) thăm dò, nghiên cứu quy luật sinh hoạt, đi lại của nạn nhân, nghiên cứu điểm mạnh, điểm yếu và các mối quan hệ của họ để xác định hình thức, địa điểm, chuẩn bị công cụ, phương tiện và lực lượng gây án. Cũng có nhiều vụ án cố ý gây thương tích xảy ra là do đối tượng thuê gây án hoặc gây án thuê. Đối với những vụ án đồng phạm thường phân công nhiệm vụ cho từng người và dự kiến những tình huống phức tạp xảy ra để chủ động đối phó.

Kết quả nghiên cứu cho thấy 285/716 vụ chiếm 39,8% vụ án cố ý gây thương tích có sự chuẩn bị từ trước, số vụ này sự chuẩn bị có ở những vụ án cố ý gây thương tích do ghen tuông, mâu thuẫn lâu dài. Trong những trường hợp này, ở giai đoạn chuẩn bị, người phạm tội tìm kiếm, chuẩn bị các công cụ, phương tiện phạm tội; nghiên cứu, nắm vững các quy luật sinh hoạt, đi lại, thói quen, nhu cầu, sở thích của người bị hại; dự kiến thời gian, địa điểm, tìm kiếm lý do hợp lý để tiếp cận người bị hại; xoá dấu vết, cách lẩn trốn... Với những đối tượng có sự chuẩn bị trước thì khi hành động rất mạnh mẽ, liều lĩnh, táo bạo, tinh vi, xảo quyệt, gây khó khăn cho công tác điều tra, khám phá.

- Tiến hành gây án: Để tiến hành gây án, đối tượng cố ý gây thương tích thường dùng các thủ đoạn sau: Tìm cách tiếp cận nạn nhân một cách công khai hoặc bí mật, lựa chọn thời cơ thích hợp để ra tay; đột nhập vào địa điểm gây án; mai phục tại các địa điểm đã định trước; tìm cách hạn chế tiếng động, tiếng kêu cứu đến mức tối đa, dùng sức mạnh vật chất, phương tiện chuẩn bị trước hoặc sẵn có như dao, cây, gậy, gạch đá, chai lọ..gây án nhanh, hành vi táo bạo và liều lĩnh.

- Những hành động sau khi gây án và thủ đoạn che dấu tội phạm: sau khi gây án xong người phạm tội có hành vi tạo hiện trường gây án giả, xóa bỏ dấu vết, cất giấu công cụ, phương tiện gây án.v.v... nếu bị phát hiện thì đổ lỗi sai trái về phía nạn nhân hành hung trước, nên buộc phải đánh trả để bảo vệ. Trong thực tế có những vụ



án xảy ra là do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân đối với người gây án hoặc đối với người thân của họ (Điều 105- BLHS). Che dấu tội phạm chính là hành vi có ý thức của người phạm tội để trốn tránh sự phát hiện điều tra của cơ quan pháp luật và của quần chúng nhân dân.

Kết quả nghiên cứu cho thấy số vụ án thủ phạm có hành vi che dấu tội phạm với nhiều thủ đoạn khác nhau, đó là một số thủ đoạn sau:

+ Có những vụ án cố ý gây thương tích bọn tội phạm che dấu hành vi phạm tội của mình bằng cách tạo hiện trường giả như: Đập phá thêm tài sản, đồ vật làm biến dạng hiện trường

+ Đối với hung khí, phương tiện gây án thủ phạm sau khi gây án đã cất dấu, ném xuống sông, suối, bụi cây ... để tiêu hủy hoặc đem về nhà cất dấu. Thủ đoạn cất dấu, tiêu hủy công cụ gây án phổ biến đối với tội phạm này ở tỉnh Bình Phước

+ Với những thủ đoạn đặc trưng như vậy trong quá trình điều tra vụ án đặc biệt trong khi khám nghiệm hiện trường cần phải chú ý khám mở rộng các vùng xung quanh hiện trường để tìm kiếm công cụ gây án mà thủ phạm có thể dấu hoặc vứt lại hiện trường gây án, trên đường chạy trốn. Thông qua các hung khí, công cụ gây án ta có cơ sở nhận định về đối tượng gây án, xây dựng giả thuyết điều tra.

+ Các đối tượng sau khi phạm tội dùng thủ đoạn bằng cách xóa dấu vết, bỏ trốn khỏi địa phương, theo dõi quá trình điều tra của CQĐT.

Có nhiều yếu tố tác động tới phương thức thủ đoạn gây án của đối tượng cố ý gây thương tích. Đó là mục đích, động cơ phạm tội, sức khỏe của đối tượng gây án, địa điểm thời gian gây án, hung khí sẽ sử dụng. Vì vậy, nghiên cứu về phương thức thủ đoạn gây án che dấu tội phạm một vụ cố ý gây thương tích trước tiên phải từ dấu vết để lại hiện trường và các thương tích dấu vết trên cơ thể, quần áo nạn nhân.

Nghiên cứu hồ sơ các vụ án cố ý gây thương tích nhận thấy: hình thức gây án phổ biến của thủ phạm là dùng dao, vật sắc nhọn, cây gậy, gạch đá để đâm chém., đánh đập nạn nhân, số ít thủ phạm dùng súng, các hóa chất. Sau khi gây án nạn nhân chết hoặc ngã gục tại hiện trường thì thủ phạm bỏ trốn. Các thủ đoạn che dấu tội phạm phổ biến là: xóa dấu vết để lại ở hiện trường gồm dấu vết tay, chân, giày

dép, vút bỏ, tiêu hủy công cụ phương tiện gây án; lau chùi rửa sạch cất chỗ kín đáo. Thủ phạm thường tắm rửa sạch, nếu có bị thương, tự mua thuốc điều trị, hủy bỏ quần áo, mũ, giày, dép ... Có dấu vết máu và các dấu vết khác, nghe ngóng hoạt động của CQĐT, tung tin giả đánh lạc hướng điều tra, không chế mua chuộc. Nếu bại lộ sẵn sàng bỏ trốn, một số vụ thủ phạm đã rõ thì ngay sau khi gây án thủ phạm thường bằng mọi cách trốn đi thật xa, nơi không ai biết chúng.

Thủ đoạn gây án và che dấu tội phạm bị chi phối nhiều bởi tâm lý, tính cách và các đặc điểm nghề nghiệp của thủ phạm. Nắm được đặc điểm này giúp cho CQĐT xây dựng mô hình đối tượng; CQĐT cần nắm chắc và khai thác triệt để đặc điểm tâm lý tính cách của thủ phạm mà tác động và tiến hành các biện pháp thu thập chứng cứ để nhanh chóng điều tra làm rõ vụ án.

#### *2.1.3.2. Đặc điểm về công cụ, phương tiện gây án*

Qua nghiên cứu các vụ án cố ý gây thương tích trên địa bàn tỉnh Bình Phước cho thấy công cụ và phương tiện trong các vụ án cố ý gây thương tích rất phong phú và đa dạng. Những trường hợp vụ án xảy ra do mâu thuẫn từ trước, người gây án có sự chuẩn bị trước thì chúng thường tính toán, lựa chọn những vũ khí, phương tiện gọn nhẹ, dễ cất giấu, có tác dụng gây thương tích cho nạn nhân để sử dụng như: Côn, gậy, lưỡi lê, hóa chất, các loại dao nhọn, sắc.v.v...

Còn trường hợp vụ án cố ý gây thương tích xảy ra do mâu thuẫn bột phát thì thủ phạm thường sử dụng những công cụ phương tiện sẵn có trong tay hoặc có ở hiện trường như: Cuốc, xẻng, cây, gậy, chai lọ, gạch đá... thậm chí thủ phạm sử dụng cả guốc, dép đang đi dưới chân; mũ cứng đang đội trên đầu để gây án hoặc dùng tay để gây án. Những trường hợp này có khi công cụ phương tiện gây án phụ thuộc vào nghề nghiệp của đối tượng và chính những đồ nghề sử dụng trong công việc lại trở thành phương tiện gây án. Ví dụ: Người bán thịt dùng dao thái thịt; người làm thợ hồ dùng thước hoặc dao chặt gạch; người cạo mủ cao su dùng dao cạo.... để gây án.

Từ đặc điểm hung khí, phương tiện gây án có liên quan trực tiếp đến việc tồn tại các loại dấu vết thương tích trên người bị hại, trên quần áo, thân thể của thủ

phạm và trên hiện trường. Do vậy, việc nghiên cứu công cụ phương tiện gây án trong các vụ án cố ý gây thương tích có tác dụng giúp cho Cơ quan điều tra có cơ sở để xác định đối tượng, tìm ra thủ phạm gây án, có biện pháp thu giữ vật chứng phục vụ cho công tác điều tra và xử lý vụ án được khách quan, chính xác.

Trong hoạt động đấu tranh chống tội phạm cố ý gây thương tích, nghiên cứu nắm vững đặc điểm về công cụ phương tiện gây án là cơ sở quan trọng để thực hiện công tác phòng ngừa và điều tra khám phá tội phạm. Đặc điểm về công cụ phương tiện gây án của tội phạm cố ý gây thương tích được thống kê như sau:

- Sử dụng vũ khí lạnh như: dao, mã tấu, côn, gậy, lê...: 567 vụ, chiếm 79,18%;
- Sử dụng các loại hóa chất độc hại: 07 vụ, chiếm 0,9%;
- Sử dụng tay, chân, các công cụ, phương tiện khác: 142 vụ, chiếm 19,83%.

Với những số liệu như trên, cho chúng ta thấy rằng đối tượng gây thương tích sử dụng tất cả các loại công cụ từ thô sơ đến các loại vũ khí lạnh, hóa chất để gây án; các vụ án đối tượng sử dụng vũ khí lạnh để gây án chiếm tỷ lệ cao. Do đó, trong quá trình thu thập chứng cứ để điều tra các vụ án cố ý gây thương tích, CQĐT cần chú ý đến tất cả các loại công cụ, phương tiện, đặc biệt các loại vũ khí mang tính phổ biến như vũ khí lạnh.

#### *2.1.3.3. Đặc điểm về thời gian, địa điểm thực hiện tội phạm*

Qua nghiên cứu các vụ án cố ý gây thương tích trên địa bàn tỉnh Bình Phước trong những năm gần đây nhận thấy: Thời gian và địa điểm gây án của loại tội phạm cố ý gây thương tích cũng thường phụ thuộc vào dạng tồn tại mâu thuẫn và nguyên nhân tồn tại mâu thuẫn giữa đối tượng gây án và nạn nhân. Thông thường trong thực tế các vụ án xảy ra do mâu thuẫn bột phát giữa đối tượng và nạn nhân, thì thời gian và địa điểm gây án gắn liền với thời gian và địa điểm phát sinh mâu thuẫn. Trong trường hợp này đối tượng không có sự tính toán, chuẩn bị trước. Do đó có thể xảy ra ở mọi nơi, mọi lúc như trong nhà, ngoài đường, nơi công cộng, các tiệc liên hoan, bến xe, chợ, nơi vui chơi giải trí.v.v.... Có thể nói nơi nào xảy ra mâu

thuần và việc giải quyết mâu thuẫn đó bằng bạo lực hay có sự va chạm, xung đột xảy ra thì nơi đó xảy ra án cố ý gây thương tích.

Đối với những vụ cố ý gây thương tích mà giữa đối tượng và nạn nhân có mâu thuẫn từ trước thì đối tượng đều có chuẩn bị trước cho nên thời gian và địa điểm gây án phụ thuộc vào ý thức chủ quan của kẻ phạm tội. Trong thực tế thủ phạm thường chọn thời gian thích hợp để tấn công nạn nhân hoặc bí mật dùng một lý do hợp lý điều nạn nhân đến một địa điểm mà chúng đã chuẩn bị để gây án hoặc phục sẵn ở một nơi nào đó trên đường đi lại của nạn nhân để gây án một cách bất ngờ và đạt được mục đích.

Thời gian xảy ra các vụ án cố ý gây thương tích thường từ 11 giờ đến 15 giờ 130 vụ, chiếm 18,15%, và từ 17giờ đến 24giờ 432vụ chiếm 60,33%; địa điểm tội phạm xảy ra ngoài đường, nơi công cộng chiếm đa số 515 vụ, chiếm 71,92%, kế tiếp là xảy ra trong nhà, vườn rẫy 201 vụ, chiếm 28%. (vụ án 1)

Từ những số liệu thống kê trên cho chúng ta thấy tội phạm cố ý gây thương tích hoạt động nhiều về buổi chiều và tối, chủ yếu xảy ra ở trên đường và những nơi có hoạt động đông người. Đây chính là đặc điểm nổi bật về thời gian và địa bàn gây án của tội cố ý gây thương tích trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

#### *2.1.3.4. Đặc điểm về động cơ phạm tội*

Động cơ gây án của tội phạm cố ý gây thương tích thể hiện cụ thể như sau:

- Cố ý gây thương tích vì mâu thuẫn, thù tức có 420 vụ, chiếm 58.65%
- Cố ý gây thương tích do ghen tuông tình ái có 59 vụ chiếm 8.24%.
- Cố ý gây thương tích do côn đồ có 79 vụ, chiếm 11.03%.
- Cố ý gây thương tích vì lý do khác (bệnh lý... hoặc chưa rõ nguyên nhân) có 158 vụ, chiếm 22,06%.

Thực tiễn cho thấy, số vụ án cố ý gây thương tích do mâu thuẫn, thù tức chiếm tỉ lệ cao nhất trong tổng số vụ án cố ý gây thương tích. Nhiều vụ do mâu thuẫn không được giải quyết, khi có điều kiện bộc phát nghiêm trọng dẫn đến hành vi cố ý gây thương tích, số này tập trung ở những thanh thiếu niên mới lớn, ăn chơi lêu lổng thất học tụ tập thành băng nhóm la cà hoặc một số là người lao động

thường tụ tập nhậu nhẹt về đêm ở các hàng quán, do mâu thuẫn từ trước hoặc nảy sinh bộc phát dẫn đến đánh nhau.

#### *2.1.3.5. Đặc điểm nhân thân của người phạm tội*

Phân tích 1320 đối tượng phạm tội cố ý gây thương tích trong thời gian từ năm 2011 - 2015, cụ thể:

- Về tiền án, tiền sự: Có 425 đối tượng đã có tiền án tiền sự chiếm 32,19%, 895 đối tượng phạm tội lần đầu chiếm 67,8%.

- Về giới tính: Có 1190 đối tượng là nam giới, chiếm 90,15%, nữ giới 130 đối tượng chiếm tỷ lệ 9,84%. Các đối tượng nam giới thường gây ra các vụ án cố ý gây thương tích do mâu thuẫn, thù tức, nhất là trong việc tranh chấp đất đai, mâu thuẫn về quyền lợi, cố ý gây thương tích theo kiểu xã hội đen. Đối tượng là nữ giới thường gây ra các vụ án cố ý gây thương tích do mâu thuẫn tình ái, ghen tuông.

- Về độ tuổi của người phạm tội [Bảng 2.3 – Phụ lục]:

+ Từ 16 đến dưới 18 có 287 đối tượng chiếm 21,74%.

+ Từ 18 tuổi đến dưới 30 tuổi có 834 đối tượng chiếm 63,18%.

+ Trên 30 tuổi có 199 đối tượng chiếm 15,07%.

Qua phân tích số liệu thấy rằng số tội phạm trong độ tuổi thanh thiếu niên và độ tuổi lao động chiếm tỉ lệ cao nhất, thực trạng này là một vấn đề lớn trong công tác giáo dục của gia đình, nhà trường và toàn xã hội. Đây là một đặc điểm quan trọng trong quá trình điều tra CQĐT cần chú ý để nâng cao hiệu quả trong công tác phòng ngừa và đấu tranh tội phạm.

- Về nghề nghiệp đối tượng [Bảng 2. 4 – Phụ lục]:

+ Học sinh, sinh viên có 187 đối tượng chiếm 14,16%;

+ Nghề nghiệp ổn định có 279 đối tượng chiếm 21,13%;

+ Nghề nghiệp không ổn định có 735 đối tượng chiếm 55,68%;

+ Không nghề nghiệp có 119 đối tượng chiếm 9,01%;

- Nơi cư trú của đối tượng [Bảng 2.5 – Phụ lục]:

+ Cư trú tại Bình Phước có 742 đối tượng chiếm 56,21%;

+ Cư trú nơi khác có 483 đối tượng chiếm 36,59%;

+ Lang thang, vô gia cư có 95 đối tượng chiếm 7,19%;

Trong số đối tượng phạm tội cố ý gây thương tích được nghiên cứu, đa số có trình độ văn hóa thấp, không nghề nghiệp hoặc nghề nghiệp không ổn định, không nơi cư trú rõ ràng. Điều này cho thấy trình độ học vấn thấp là một trong những nguyên nhân dẫn tới hành vi ứng xử, việc giải quyết các mâu thuẫn trong đời sống hàng ngày không được tốt. Điều đó giải thích vì sao tội phạm cố ý gây thương tích xảy ra nhiều ở những nơi có thành phần dân cư phức tạp, đa số là công nhân, nông dân, làm nghề tự do...

#### *2.1.3.6. Đặc điểm về dấu vết*

Qua nghiên cứu thực tế cho thấy, tại hiện trường vụ án cố ý gây thương tích khi cơ quan Công an hoặc quần chúng nhân dân phát hiện hầu hết các hiện trường đều đã bị xáo trộn.

- Về hiện trường vụ án gây thương tích cũng rất đa dạng, phức tạp, bởi khi gây án thủ phạm thường lợi dụng những sơ hở của nạn nhân, những điều kiện sẵn có ở hiện trường để gây án. Bởi vậy, hiện trường của vụ án gây thương tích thường là nơi phản ánh hành vi ẩu đả, vật lộn giữa nạn nhân và thủ phạm; phản ánh và tồn tại các dấu vết vật chất cũng như các công cụ phương tiện mà kẻ phạm tội đã chuẩn bị trước hoặc sẵn có như gậy gộc, gạch đá, chai lọ..v.v... mà kẻ phạm tội đã sử dụng để gây án.

- Các dấu vết phổ biến thường thu được khi khám nghiệm hiện trường vụ án cố ý gây thương tích: Dấu vết máu, tóc, dấu vết các phương tiện giao thông, dấu vết hung khí, dấu vết thể hiện sự tự vệ của nạn nhân, gây thương tích, rách trang phục, thay đổi môi trường xung quanh như đổ vỡ đồ dùng, dập nát cây cỏ trên mặt đất...

Những dấu vết được nêu trên là những nguồn chứng cứ quan trọng về vụ gây thương tích và thủ phạm gây thương tích. Trong hoạt động thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ nếu nắm vững được các nguyên lý hình thành dấu vết và các dấu vết đặc trưng trong vụ án gây thương tích sẽ giúp cho CQĐT thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ một cách hiệu quả nhất trong quá trình điều tra vụ án nói chung và điều tra vụ án gây thương tích nói riêng.

Tóm lại, để đạt hiệu quả cao trong công tác điều tra vụ án đòi hỏi CQĐT không chỉ cần nắm vững các dấu hiệu pháp lý đặc trưng của tội gây thương tích mà còn đòi hỏi phải nắm được các đặc điểm hình sự của loại tội phạm này. Việc nắm vững đặc điểm hình sự của tội phạm có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định chứng cứ và tổ chức tiến hành các hoạt động thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ trong điều tra vụ án.

## **2.2. Hoạt động thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ trong điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác ở tỉnh Bình Phước**

### ***2.2.1. Tình hình, kết quả hoạt động thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ***

Chúng tôi chọn một số vụ án điển hình minh họa cho đánh giá của mình:

**Vụ án 1:** Khoảng 16 giờ ngày 18/11/2007, do có mâu thuẫn từ trước Lê Linh Vũ, Đào Ngọc Thạch, Thạch Vượng, rủ nhau lên sân bóng gần nhà văn hóa ấp 4, xã Nghĩa Bình, huyện Bù Đăng tìm Điều Cường và Điều Kron để đánh, khi đi Thạch cầm theo dao Thái Lan, Võ Văn Vũ cầm theo đoạn cây cơ Bi da, Thạch Vượng cầm theo cây dao rựa khi đến sân bóng lúc đó có Điều Cường và Điều Kron và có rất đông số thanh niên là người đồng bào dân tộc Stiêng, Vượng đến hỏi số thanh niên đồng bào “Ai là người chặn Vũ lúc sáng” số thanh niên này thấy nhóm của Vũ cầm hung khí nên bỏ chạy về sóc 29, xã Nghĩa Bình gọi mọi người lên sân bóng. Khoảng 5 phút sau có khoảng 20 người trong sóc chạy lên sân bóng trong đó có Điều Lúc cầm đoạn cây Mun dài 1,2 mét, Điều Kiệt nhặt đoạn củi điều dài 44cm, trong sân nhà ông Điều Canh, Điều Vải lấy từ nhà 01 cây búa bổ củi, đến sân bóng thì Điều Men giật lại cây búa của Điều Vải mang về nhà. Khi thấy các thanh niên đồng bào Stiêng cùng Kiệt, Lúc, Vải chạy đến sân bóng thì Vũ, Vũ và Vượng bỏ chạy, còn Đào Ngọc Thạch không bỏ chạy mà đứng lại ở góc sân bóng, Thạch cầm dao Thái Lan quơ qua lại trước mặt mọi người và Điều Lúc, thì Lúc đứng đối diện hơi chéch về bên hông phải của Thạch hai tay cầm đoạn cây Mun đánh mạnh theo hướng từ trên xuống, chéch từ phải qua trái trúng vào vùng ngực của Thạch, Thạch bỏ chạy được khoảng 3-4 mét thì bị Điều Kron giật khúc cây Mun trên tay Điều

Lúc đuổi theo Thạch đánh một cái hướng từ trái qua phải trúng vào đùi trái của Thạch, Điều Kiệt cầm khúc cây củi điều ném vào lưng Thạch làm Thạch bị té nằm xuống đất, thấy Thạch nằm im không cử động, mọi người nghĩ Thạch giả bộ chết, lúc này Điều Nhung (là dân quân xã Nghĩa Bình) và Điều Men chở Thạch giao cho công an xã Nghĩa Bình thì phát hiện Thạch đã tử vong.

\* Kết quả giám định tử thi: Tại biên bản giám định pháp y số: 320 ngày 27/12/2007 của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Bình Phước đã xác định nạn nhân Thạch bị các vết thương như sau: Bầm tụ máu nhẹ ngay chân tóc vùng giữa trán KT(3,5x2)cm, xây sát da cung mày trái dài 1cm, xây sát da dưới cằm KT (5x2)cm. Ngực trái có 02 vết xây sát da tạo thành hình chữ T dài 06cm và 3,5cm, rộng 0,4cm, bầm tụ máu ngực phải KT(8x4)cm, xây sát da bầm tụ máu vùng ngang thắt lưng 09cm KT(9x0,3)cm. Sau khuỷu tay phải xây sát da KT(1,5x0,5)cm, bầm tụ máu nhẹ dưới đùi phải KT(3,5x3)cm, xây sát da dưới ngón 1 mu bàn chân trái. Nguyên nhân dẫn đến tử vong của Đào Ngọc Thạch là do ngoại lực tác động lên vùng ngực bởi vật tày gây dập phổi, dẫn tới rối loạn tuần hoàn, suy hô hấp rồi tử vong.

\* Tại công văn số: 44/PC21 ngày 06/8/2008 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước xác định: Nguyên nhân chính dẫn đến tử vong đối với nạn nhân Đào Ngọc Thạch là do 02 vết thương tạo thành hình chữ “T” dài 6cm và 3,5cm, rộng 0,4cm vùng ngực trái gây nên. Các vết thương còn lại mang tính cộng hưởng làm cho nạn nhân choáng nặng hơn.

\*Tại công văn số 16 ngày 11/12/2008 của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Bình Phước xác định:

Vùng ngực trái của Đào Ngọc Thạch có 02 vết thương: vết thứ nhất dài 6cm x 0,4cm có hướng từ trên xuống, vết thứ hai dài 3,5cm x 0,4cm có hướng chéo từ dưới lên và từ trái sang phải (hai vết thương này do ngoại lực tác động là nguyên nhân gây dập phổi dẫn đến tử vong) ngoài hai vết thương này các vết thương khác không mang tính cộng hưởng.

Công văn này thay thế công văn số: 44/PC21 ngày 6/8/2011 của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Bình Phước.



\* Tại bản kết luận giám định pháp y số: 34 ngày 24/01/2011 của Viện pháp y quốc gia- Bộ y tế kết luận nguyên nhân chết của Đào Ngọc Thạch như sau:

Vết thương xây xát hình chữ “T” bên ngoài vùng ngực trái của Đào Ngọc Thạch thực chất là vết thương riêng rẽ gần nhau tạo thành. Vết thương này có thể gây dập phổi. Trong hai vết thương xây xát tạo thành hình chữ “T” thì vết thương dài 6cm hướng hơi chệch chéo từ trên xuống dưới, đầu trên gần đầu trong xương đòn trái, đầu dưới cách trong núm vú trái khoảng 4,2cm (đo qua thước tỷ lệ trên ảnh 33) là thương tích mạnh hơn có thể gây tử vong.

Vết bầm tụ máu dưới xương ức có thể do các vết thương tạo thành vết hình ảnh xây xát hình chữ “T” gây nên.

Nguyên nhân chết của Đào Ngọc Thạch là do suy hô hấp cấp, do chấn thương dập chảy máu phổi, hậu quả của chấn thương vùng ngực trái gây ra.

Các vết thương còn lại trên người của nạn nhân Phạm Ngọc Thạch không mang tính cộng hưởng.

\* Tại bản kết luận giám định số 2489/C54B ngày 20/8/2015 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Vết thương hình chữ “T” trên ngực trái của nạn nhân Đào Ngọc Thạch là hai vết thương riêng nằm gần nhau tạo thành. Cây mum mẫu vật gửi giám định nếu tác động vào vùng ngực trái của nạn nhân khó có thể tạo ra tổn thương này.

\* Tại bản kết luận giám định số: 2489/C54B ngày 20/8/2015 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh xác định: Thương tích vùng đầu, tứ chi và xuất huyết cơ tim không quy định trong bảng tỉ lệ tổn thương theo TTLT số 28/2013/TTLB-BYT-BLĐT BXH; Tổn thương nhu phổi đơn thuần không để lại di chứng tỉ lệ tổn hại 6 đến 10%.

\* Tại bản kết luận giám định số: 2489/C54B ngày 20/8/2015 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: Vết thương hình chữ “T” trên ngực trái của nạn nhân Đào Ngọc Thạch là hai vết thương riêng nằm gần nhau tạo thành. Cây mum mẫu vật gửi giám định nếu tác động vào vùng ngực trái của nạn nhân khó có thể tạo ra tổn thương này.

Vụ án xảy ra ngày 18/11/ 2007 đến ngày 16/04/ 2008 khởi tố vụ án, khởi tố bị can Điều Lức. Ngày 8/8/2008 Cơ quan CSĐT công an huyện Bù Đăng kết luận điều tra chuyển VKS đề nghị truy tố đối với Điều Lức về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 3, Điều 104 BLHS. Ngày 01/10/2008 Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng ban hành Cáo trạng truy tố đối với Điều Lức về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 3, Điều 104 BLHS. Ngày 21/9/2011 của tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, xử tuyên bị cáo Điều Lức phạm tội “Cố ý gây thương tích” áp dụng khoản 3, Điều 104 tuyên phạt bị cáo Điều Lức 30 tháng tù. Ngày 27/03/2012 Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước, xử hủy án sơ thẩm số 074/2011/HSST của tòa án nhân dân huyện Bù Đăng đối với bị cáo Điều Lức, vì vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, việc điều tra chưa đầy đủ còn nhiều thiếu sót, bỏ lọt tội phạm. Quá trình điều tra, Truy tố vụ án được trả bổ sung 05 lần, hiện nay đang điều tra về tội Giết người.

**Vụ án 2:** Do nghi ngờ công ty phát triển phân bón sinh học thành phố Hồ Chí Minh do anh Trần Văn Chiến làm giám đốc cung cấp phân bón kém chất lượng cho công ty Thanh Nga do Trần Thị Nga làm giám đốc và nghi anh Chiến cấu kết với Nguyễn Thị Thùy Dung để hạ thấp uy tín công ty Thanh Nga nên Trần Thị Nga và Nguyễn Văn Thanh thông qua Hoàng Bá Sỹ để thuê Phạm Minh Đương và Hoàng Văn Thiện đánh dẫn mặt Trần Văn Chiến với giá 70.000.000đ. Ngày 02/02/2016 Phạm Minh Đương và Hoàng Văn Thiện đến quán cơm 777 thuộc ấp 1, xã Tiến Hưng, thị xã Đồng Xoài. Thiện vào trong quán cơm dùng típ sắt đã chuẩn bị trước đánh anh Chiến gãy chân, sau đó lên xe cùng Đương tẩu thoát. Hậu quả làm anh Trần Văn Chiến bị thương với tỷ lệ thương tật là 12% theo kết luận giám định.

**Vụ án 3:** Vào thời gian khoảng tháng 8 năm 2015, Phạm Ngọc Chiến và gia đình chị Lê Thị Nga, anh Giang Quý Đôn là người ở cạnh bên nhà của Chiến phát sinh mâu thuẫn về việc sử dụng diện tích hành lang làm ảnh hưởng đến việc kinh doanh của Chiến. Khoảng 8 giờ, ngày 19 tháng 8 năm 2015, do nhà có sẵn một chai thuốc trừ sâu đã được pha trộn lẫn thuốc diệt ốc bươu vàng còn lại khoảng 05 đến 10

ml, với mục đích để gia đình chị Nga không sử dụng được nước giếng nữa, nếu sử dụng thì sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe của những người trong gia đình của chị Nga. Chiến cầm chai thuốc đổ vào ống nhựa thông hơi của nhà chị Nga. Sau khi đổ hết dung dịch nêu trên, Chiến tiếp tục lấy khoảng 50g bột giặt hiệu OMO và hòa cùng với khoảng 100ml nước máy và nước rửa chén hiệu “Sun light” để rửa chậu sau đó đổ vào ống thông hơi giếng nước nhà chị Nga với mục đích khử mùi hôi nhằm tránh sự phát hiện của gia đình chị Nga và cơ quan Công an. Vào khoảng 20 giờ ngày 20/8/2015, chị Lê Thị Nga, anh Giang Quý Đôn sử dụng nguồn nước giếng trong nhà thì ngửi thấy mùi hôi. Đến sáng ngày 21/8/2015 thì gia đình anh Đôn có biểu hiện triệu chứng đau bụng, đau đầu. Khi đó anh Đôn có mở nắp miệng giếng ra để kiểm tra thì phát hiện trong giếng có mùi hôi nồng và mặt nước có dấu hiệu sủi bọt màu trắng. Nghi ngờ có người khác bỏ thuốc độc vào giếng nước để giết gia đình mình nên anh Đôn đến Công an thị xã Đồng Xoài để trình báo.

Sau khi tiếp nhận tin báo, Cơ quan CSĐT TP về TTXH đã tiến hành khám nghiệm hiện trường thu giữ tại giếng nước các dấu vết và các mẫu vật, các vật chứng trưng cầu giám định. Tại Kết luận giám định số 2707/C54B ngày 28/8/2015 của Phân viện KHHS tại TP.Hồ Chí Minh xác định: Các mẫu vật niêm phong gửi giám định đều có tìm thấy các thành phần Fenobucarb, Dimethoate, Fenvalerate và Niclosamide: Fenobucarb là thuốc trừ sâu, thuộc nhóm độc II, LD<sub>50</sub> qua đường miệng chuột là 640mg/kg; Dimethoate là thuốc trừ sâu, thuộc nhóm độc II, LD<sub>50</sub> qua đường miệng chuột là 235mg/kg; Fenvalerate là thuốc trừ sâu, thuộc nhóm độc II, LD<sub>50</sub> qua đường miệng chuột là 451mg/kg; Niclosamide là thuốc trừ ốc bươu vàng, thuộc nhóm độc IV, LD<sub>50</sub> qua đường miệng chuột là > 5000mg/kg.

Tại bản kết luận giám định pháp y về tâm thần số 423 và 425 ngày 22/9/2015 của Viện GDPY về Tâm thần TW Phân viện phía Nam kết luận: Anh Giang Quý Đôn và chị Lê Thị Nga bị rối loạn tâm thần do sang chấn tâm lý nặng (do bị đầu độc nên đương sự nghĩ rằng ít nhiều bị tổn hại cơ thể và nguy cơ bị hại vẫn còn). Tỷ lệ tổn thương của mỗi người là 10% tạm thời.

**Vụ án 4:** Do mâu thuẫn với anh Đinh Ngọc Du từ trước, nên khoảng 17 giờ ngày 29/8/2014 Điều Huân, Điều Tâm, Điều Ven mỗi người cầm một cây gậy đến chỗ Du đang nhậu tại ấp Bung C, xã Tân Thành, thị xã Đồng Xoài gây sự và Huân dùng đoạn tuýp sắt đánh 1 cái, anh Du đưa tay lên đỡ nhưng vẫn trúng vào đỉnh thái dương phải. gây thương tích 77%.

**Vụ án 5:** Tối ngày 25/5/2014, nhà bà Trần Thị Hồ tại ấp Lộc Bình 2, xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước tổ chức nhóm họ đám cưới cho con trai tên là Nguyễn Minh Hiệp. Tại đây anh Bùi Văn Cần và Nguyễn Văn Duy có uống rượu với Phạm Khánh Vân, Hoàng Ngọc Hà, Nguyễn Phi Hùng, Đặng Thanh Cường, Dương Văn Huấn, Phạm Nhật Hào và một số người khác sau khi uống rượu tại nhà bà Trần Thị Hồ tại ấp Lộc Bình 2, xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước, khoảng 01 giờ ngày 26/5/2014 nghĩ rằng anh Cần rút xăng từ xe của mình nên Nguyễn Phi Hùng phát hiện rồi truy hô thì Phạm Khánh Vân cùng Hùng, Cường, Hà đi lấy hung khí cùng với Hào và Huấn đuổi theo, Vân cầm dao đâm trúng vào vùng lưng, bụng và vai của anh Cần, Hùng cầm dao chém vào đầu của anh Cần thì trúng nón bảo hiểm, sau đó chém tiếp hai nhát vào đùi trái của anh Cần. Cường và Hà cầm dao đuổi theo Cường đâm một nhát trúng vào hông của anh Cần, còn Hà đâm hai nhát vào đùi trái của anh Cần. Các bị can Vân, Hà, Hùng, Cường là người trực tiếp cầm dao đâm, chém vào những vùng trọng yếu trên cơ thể, gây thương tích nặng cho anh Cần. Anh Cần được đưa đi cứu. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên 70%.

Đối với Phạm Nhật Hào không trực tiếp đâm, chém anh Cần. Tuy nhiên, khi nghe Vân nói đuổi theo anh Cần và thấy Vân, Hà, Cường, Hùng lấy hung khí thì Hào biết là đuổi theo đánh anh Cần nên Hào cũng đồng ý. Sau đó, chính Hào là người điều khiển xe chở Huấn và Hà để tìm đánh anh Cần.

Đối với Dương Văn Huấn không phải là người trực tiếp đâm, chém anh Cần. Tuy nhiên, khi nghe Vân nói đuổi theo anh Cần và thấy Vân, Hà, Cường, Hùng lấy hung khí thì Huấn biết là đuổi theo đánh anh Cần nên Huấn cũng đồng ý đi theo.

### *2.2.2.1. Hoạt động thu thập chứng cứ*

Để thu thập chứng cứ trong điều tra các vụ án cố ý gây thương tích, CQĐT đã tiến hành thông qua các biện pháp chủ yếu sau:

#### *- Thu thập chứng cứ thông qua hoạt động khám nghiệm hiện trường*

Qua nghiên cứu, khảo sát thực tiễn và tọa đàm trao đổi với các chuyên gia cho thấy, 716/716 vụ cố ý gây thương tích đều được tiến hành khám nghiệm hiện trường, kiểm tra hiện trường (chiếm tỷ lệ 100%), tất cả các loại hiện trường như nơi vụ án xảy ra, nơi phi tang, cất giấu công cụ, phương tiện... đều được khám nghiệm. Qua hoạt động khám nghiệm hiện trường CQĐT thu thập thông tin từ các dấu vết, vật chứng của vụ án, phối hợp với VKS, các lực lượng chức năng của cơ quan Công an tiến hành đánh giá các dấu vết, vật chứng tồn tại ở hiện trường, chụp ảnh, vẽ sơ đồ hiện trường, thu giữ, niêm phong vật chứng, viết biên bản khám nghiệm hiện trường.

Qua tọa đàm trao đổi với các ĐTV đã từng trực tiếp chủ trì khám nghiệm hiện trường các vụ án gây thương tích và các ĐTV cùng tham gia cho thấy, công tác khám nghiệm hiện trường đã thu thập được các tài liệu, dấu vết, vật chứng... kết hợp với lời khai của người làm chứng, người bị hại hay người có liên quan đến vụ án và các thông tin do trình sát thu thập được tại khu vực xung quanh hiện trường. ĐTV đã cùng với lực lượng kỹ thuật hình sự, chủ yếu là cán bộ khám nghiệm hiện trường đánh giá các chứng cứ thu thập được có nằm trong phạm vi hiện trường được khoanh vùng không; các dấu vết, vật chứng đó có liên quan đến vụ án đang được khám nghiệm hiện trường không; các thông tin, tài liệu, dấu vết, vật chứng thu được có mối quan hệ và phù hợp với nhau khi phản ánh về vụ án hay không... Việc đánh giá này có ý nghĩa trong việc xác định giả thuyết điều tra vụ án về thời gian, hiện trường chính, thủ phạm, động cơ, mục đích gây án... đồng thời, trong nhiều trường hợp việc thu thập các tài liệu, dấu vết, vật chứng thu được ở hiện trường là cơ sở để đánh giá, tiến hành các biện pháp truy bắt thủ phạm theo dấu vết nóng và tiến hành các biện pháp điều tra tiếp theo.

Tuy nhiên, cũng theo các chuyên gia, công tác thu thập chứng cứ thông qua hoạt động khám nghiệm hiện trường còn những tồn tại như: Lực lượng ĐTV, kỹ thuật hình sự có mặt tại hiện trường chậm, có nhiều vụ án đã xảy ra quá lâu bị hại mới tố cáo, nên không thu thập được hết các thông tin cần thiết cho việc xác định thủ phạm như ở **vụ án 1**, **vụ án 2**, **vụ án 4** khi đến hiện trường hầu như không còn dấu vết chỉ chủ yếu xác định vị trí dấu vết theo lời khai nhân chứng, bị hại; sự phối hợp giữa ĐTV, Kiểm sát viên, cán bộ khám nghiệm hiện trường còn chưa chặt chẽ, nhất là trong việc trao đổi thông tin nhanh các chứng cứ (chủ yếu là dấu vết, đồ vật, tài liệu...) thu được tại hiện trường có giá trị chứng minh nhanh để truy bắt thủ phạm theo dấu vết nóng...; nhiều vụ án gây thương tích việc khám nghiệm hiện trường còn tiến hành sơ sài, không mở rộng phạm vi khám nghiệm, nhất là những vụ hiện trường đánh nhau rộng, có nhiều vật chứng là công cụ gây án đồng dạng, nhiều loại dấu vết để lại hiện trường do vụ án có đồng phạm, hoặc nhiều người vào can ngăn...(như **vụ án 5** Phạm Khánh Vân và đồng phạm gây thương tích cho bị hại bằng nhiều hành vi, có rượt đuổi nhưng khi khám nghiệm chỉ chú ý đến điểm dừng xe ban đầu, do đó dấu vết ban đầu khám nghiệm chưa đầy đủ sau đó phải tiến hành kiểm tra hiện trường tiếp theo vụ án phải trả hồ sơ điều tra bổ sung, và có bị hủy điều tra lại do thiếu sót khám nghiệm hiện trường không kỹ, không thể hiện khoảng cách vị trí khi bị hại bị đâm chém), do đó thiếu các chứng cứ, làm cho công tác thu thập chứng cứ cũng hạn chế, do không tìm ra hay xác định được mối liên hệ giữa các chứng cứ với nhau; năng lực chủ trì khám nghiệm của một số ĐTV và năng lực khám nghiệm của một số cán bộ kỹ thuật hình sự chưa cao, nên dẫn đến việc phán đoán, thu thập nhanh các chứng cứ thu được ở hiện trường còn bị động, có nhiều vụ án thu giữ nhiều vật chứng không liên quan đến vụ án hoặc không có giá trị chứng minh... làm mất thời gian và tiến hành khám nghiệm lại, làm cho các dấu vết bị xóa hoặc thay đổi.

*- Thu thập chứng cứ thông qua hoạt động kiểm tra dấu vết trên thân thể bị hại, bị can, hoặc khám nghiệm tử thi (đối với người bị hại đã chết)*

Hoạt động kiểm tra dấu vết trên than thê bị hại, bị can, khám nghiệm tử thi gắn liền với hoạt động khám nghiệm hiện trường, các dấu vết, tài liệu, đồ vật... thu thập được trong quá trình khám nghiệm hiện trường cùng với những dấu vết kiểm tra ghi nhận dấu vết trên cơ thể bị hại, bị can, tử thi khi tổng hợp lại sẽ phản ánh về công cụ, phương tiện mà thủ phạm sử dụng dẫn đến thương tích cho nạn nhân, hay phản ánh về thủ phạm gây ra vụ án...

Qua nghiên cứu hồ sơ các vụ án gây thương tích cho thấy, đa số các vụ án các vết thương của bị hại đều được các bác sỹ mô tả khá cụ thể trong bệnh án, hoặc giấy chứng thương cấp cho bị hại trên cơ sở đề nghị của cơ quan Công an, các vụ gây thương tích sau đó bị hại chết bị hại đều tiến hành khám nghiệm tử thi (chiếm tỷ lệ 100%) xác định nguyên nhân chết của nạn nhân,

Từ kết quả kiểm tra dấu vết trên cơ thể bị hại, khám nghiệm tử thi, ĐTV đã cùng với cán bộ khám nghiệm hiện trường thu thập các thông tin phản ánh từ vết thương trên người bị hại có phù hợp với các dấu vết, đồ vật, tài liệu thu được qua khám nghiệm hiện trường hay không để từ đó xác định nguyên nhân, xác định các thương tích gây tổn thương ở bộ phận này, tổn thương ở mức độ nào, hình dạng, cấu tạo thương tích, xác định công cụ, phương tiện gây án qua hình dáng vết thương, đồng thời thu thập các đồ vật, dấu vết, các chất thu được tại hiện trường. Các dấu vết, tài liệu... thu được đó có được thu thập theo đúng quy định không, đã được niêm phong đúng quy định chưa, còn chất, dấu vết nào chưa được thu thập không...

*- Thu thập chứng cứ thông qua hoạt động lấy lời khai người bị hại, người làm chứng và hỏi cung bị can*

Hoạt động lấy lời khai người bị hại được đặc biệt chú ý và coi trọng trong điều tra tất cả các vụ án cố ý gây thương tích. Đây là nguồn chứng cứ quan trọng không thể thiếu trong việc làm rõ sự thật của vụ án. Thực tiễn cho thấy, trong 716 vụ án cố ý gây thương tích mà CQĐT tiến hành điều tra thì người bị hại còn sống và lấy được lời khai ban đầu, thu thập được thông tin về nạn nhân như tên, tuổi, địa chỉ, nghi ngờ ai là thủ phạm, có quan hệ với thủ phạm không, đặc điểm nhận dạng

của thủ phạm, còn rất ít, có trường hợp phải lấy lời khai khi nạn nhân đã được cấp cứu, hồi tỉnh, sau đó nạn nhân chết, có 75 vụ (chiếm tỷ lệ 10,4%).

Ngoài giá trị là chứng cứ của vụ án thì lời khai của người bị hại đóng vai trò rất quan trọng trong việc phát hiện tội phạm, khởi tố vụ án. Tuy nhiên, trong quá trình thu thập chứng cứ trong vụ án cố ý gây thương tích thông qua hoạt động lấy lời khai người bị hại bị ảnh hưởng bởi những yếu tố sau:

*Thứ nhất*, hành vi cố ý gây thương tích có thể diễn ra nhanh chóng, cường độ tấn công mãnh liệt... gây thương tích nặng cho nạn nhân, cho nên rất khó khăn để lấy lời khai của nạn nhân ngay mà phải tiến hành sơ cứu, đưa nạn nhân đi cấp cứu, sau đó đợi nạn nhân hồi tỉnh có khả năng khai báo mới tiến hành lấy lời khai của người bị hại. Cho nên việc lấy lời khai người bị hại sớm trong các vụ án cố ý gây thương tích là hết sức khó khăn, đặc biệt là việc thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến người phạm tội, hành vi phạm tội;

*Thứ hai*, người bị hại luôn có tâm lý bức tức, căm ghét đối tượng cố ý gây thương tích, do vậy, trong quá trình khai báo người bị hại thường có xu hướng cường điệu hoá hành vi phạm tội của đối tượng với mong muốn đối tượng phạm tội phải chịu hình phạt nặng hơn, hoặc không khai ra hành vi có lỗi của mình. Điều này đòi hỏi ĐTV phải hết sức thận trọng trong quá trình lấy lời khai của người bị hại, đặc biệt trong cách thức đặt câu hỏi về các sự kiện có liên quan đến hành vi phạm tội được thực hiện đối với họ.

*Thứ ba*, trong nhiều trường hợp, người bị hại sau khi lấy được lời khai đã chết, cho nên việc đánh giá lại tính chính xác của lời khai người bị hại rất khó khăn, cần phải sử dụng nhiều biện pháp điều tra khác nhau để hỗ trợ và do đó thường mất nhiều thời gian.

Tổng kết việc lấy lời khai của người bị hại ở các vụ cố ý gây thương tích cho thấy phần lớn lời khai của người bị hại có nội dung phản ánh đúng diễn biến của vụ việc (chiếm 87%). Nội dung phản ánh trong lời khai của người bị hại là căn cứ đặc biệt quan trọng trong việc lập các giả thuyết điều tra, xây dựng kế hoạch và đưa ra các quyết định tố tụng.



Thông thường người bị hại chỉ cung cấp được các thông tin về thời gian, địa điểm xảy ra vụ án, nghi vấn đối tượng, quan hệ với đối tượng, đặc điểm nhận dạng đối tượng... Những thông tin này là hết sức quan trọng để đưa ra giả thuyết điều tra, tiến hành các hoạt động tố tụng. Do đó, việc thu thập lời khai người bị hại trong đa số các vụ án cố ý gây thương tích thường tiến hành trước khi khám nghiệm hiện trường, giám định thương tích đồng thời sau đó lấy lại lời khai để tiến hành đối chiếu, so sánh sự đúng đắn, sự phù hợp trong những chứng cứ thu thập được từ hiện trường, từ lời khai người bị hại.

Trong 716 vụ án cố ý gây thương tích xảy ra được nghiên cứu có 618 vụ có người làm chứng (chiếm tỷ lệ 86,3%), trong đó có 102 vụ (chiếm tỷ lệ 14,2%) tìm ra thủ phạm từ lời khai của người làm chứng. Người làm chứng trong vụ án cố ý gây thương tích thường không chứng kiến được toàn bộ diễn biến của vụ án, mà họ chỉ ghi nhận được diễn biến ở một khâu, một hoạt động cụ thể trong quá trình diễn ra vụ án. Ví dụ: Người làm chứng chỉ có mặt khi thủ phạm đang xóa dấu vết, đang tẩu thoát khỏi hiện trường gây án... Ở những khâu đó, những sự kiện mà họ ghi nhận được chỉ là một phần trong những sự kiện cần phải chứng minh làm rõ trong điều tra vụ án cố ý gây thương tích.

Do vậy, thông thường người làm chứng khai báo về thời gian, địa điểm xảy ra vụ án, đặc điểm nhận dạng của đối tượng, các thông tin mà họ biết về nạn nhân, hướng tẩu thoát của đối tượng, về công cụ, phương tiện đối tượng gây án, tẩu thoát... Và lời khai của người làm chứng thường khách quan, bởi vậy, trong quá trình điều tra vụ án cố ý gây thương tích, CQĐT luôn coi trọng công tác lấy lời khai người làm chứng. Đồng thời, tiến hành thu thập lời khai của người làm chứng qua việc so sánh, phân tích, đối chiếu với những thông tin, tài liệu khác đã thu thập được để xác định độ chính xác và giá trị chứng minh của lời khai người làm chứng. Trong một số vụ án cụ thể, người làm chứng còn có vai trò nhận dạng đối tượng, tang vật, tài liệu có liên quan đến vụ án (cả người bị hại và người phạm tội đều say do uống nhiều rượu)

Xác định đúng vai trò, ý nghĩa của lời khai của người bị hại, của người làm chứng, CQĐT đã tiến hành nghiên cứu kỹ lưỡng đặc điểm tâm lý những vấn đề có liên quan đến việc cung cấp lời khai; xác định những vấn đề cần làm rõ; sử dụng biện pháp linh hoạt, phù hợp trong lấy lời khai phục vụ cho hoạt động điều tra vụ án có ý gây thương tích. Việc tiến hành lấy lời khai người bị hại, người làm chứng được tiến hành theo các trình tự, thủ tục pháp luật qui định cho nên trong thời gian qua, hoạt động này đã góp phần rất quan trọng trong việc giải quyết đúng đắn vụ án và thu thập chứng cứ tiến hành đúng thủ tục.

Tuy nhiên, thực tiễn hoạt động thu thập lời khai của người bị hại và người làm chứng còn những tồn tại, hạn chế như: CQĐT quá nôn nóng lấy lời khai người bị hại khi sức khỏe họ rất yếu, chưa bình tĩnh lại sau những sự việc xảy ra nên buổi lấy lời khai không đạt kết quả như mong muốn hoặc hỏi quá dài dòng, tỉ mỉ mà người bị hại chưa thể trả lời do sức khỏe yếu và việc thu thập lời khai người bị hại còn tiến hành chậm... Việc thu thập lời khai của người bị hại, người làm chứng nhiều khi được tiến hành vội vàng, qua loa, không có sự đối chiếu với các chứng cứ, tài liệu khác thu được từ hoạt động khám nghiệm hiện trường, cho nên nhiều trường hợp mất thời gian, không truy tìm được thủ phạm, công cụ, phương tiện gây án... làm tốn thời gian điều tra, phải thu thập lại từ đầu.

Việc hỏi cung bị can thường khó khăn khi bị can khai báo gian dối, che giấu hành vi, mục đích phạm tội. ĐTV cần sử dụng thuần thục các phương pháp chiến thuật hỏi cung phù hợp theo từng tình huống với từng bị can cụ thể và những tài liệu chứng cứ ta có. Quá trình hỏi cung bị can cần áp dụng những thủ thuật giáo dục thuyết phục, cảm hóa để bị can thành khẩn khai báo, đồng thời cũng sử dụng linh hoạt các chứng cứ để vạch trần mâu thuẫn của những bị can khai báo gian dối.

Kết quả khảo sát cho thấy, bên cạnh những kết quả và ưu điểm, công tác hỏi cung bị can còn có những hạn chế: trước khi hỏi cung, cán bộ điều tra thường chưa nghiên cứu kỹ về nhân thân người phạm tội, việc hỏi cung thường dựa vào kinh nghiệm, chưa phù hợp với từng tình huống cụ thể, khi bị can đã khai báo là kết thúc

vụ việc không chú ý tới việc khai thác mở rộng vụ án, nhất là không điều tra làm rõ tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ một cách đầy đủ.

Trên các vụ việc cụ thể lời khai của 1320 bị can, trong 716 vụ án cố ý gây thương tích xảy ra trên địa bàn đều là những chứng cứ quan trọng trong việc xác định hành vi phạm tội, tội danh, mức độ nghiêm trọng của hành vi và là nguồn chứng cứ không thể thiếu trong chứng minh tội phạm.

*- Thu thập chứng cứ thông qua hoạt động trung cầu giám định*

Sau khi tiến hành khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi và một số biện pháp điều tra khác, CQĐT đều tiến hành trung cầu giám định đối với 716/716 vụ án cố ý gây thương tích xảy ra (chiếm tỷ lệ 100%) việc tiến hành trung cầu giám định thường là: Trung cầu giám định tỷ lệ thương tật (100% số vụ cố ý gây thương tích), giám định dấu vết do công cụ, phương tiện gây ra, giám định dấu vết đường vân, dấu vết sinh học (tóc, máu ...), giám định ADN, giám định tuổi, giám định tình trạng tâm thần của bị can, giám định cơ chế hình thành vết thương... Việc giám định nhằm truy nguyên thủ phạm đã gây ra thương tích cho nạn nhân, truy nguyên công cụ, phương tiện thực hiện tội phạm, xác định tuổi và khả năng nhận thức, điều khiển hành vi để truy cứu trách nhiệm hình sự.

Qua nghiên cứu, các quyết định trung cầu giám định của CQĐT đều đúng thủ tục, các câu hỏi đưa ra phù hợp, các đối tượng truy nguyên và dùng để truy nguyên đa số đều bảo đảm số lượng và chất lượng, yêu cầu giám định phù hợp với lực lượng kỹ thuật hình sự. Bên cạnh đó, sau khi có kết luận giám định, CQĐT lại một lần nữa thu thập kết luận giám định có phù hợp với các chứng cứ đã thu thập được hay không, nếu nghi ngờ về tính khách quan, hoặc không phù hợp với chứng cứ khác thì tiến hành trung cầu giám định lại, hoặc trung cầu giám định bổ sung đã có 59/716 vụ phải tiến hành trung cầu giám định lại (chiếm tỷ lệ 8,2%).

Như vậy, nhìn chung thông qua việc trung cầu giám định chuyên môn, CQĐT đã thu thập chính xác các vấn đề liên quan đến vụ án về thủ phạm gây án, về công cụ, phương tiện gây án, về cơ chế hình thành thương tích... Tuy nhiên, hoạt động thu thập chứng cứ thông qua trung cầu giám định còn hạn chế là có khi trung

cầu giám định muện, hay việc thu thập dấu vết, tài liệu... và đối tượng nghi vấn nhiều khi không thể tiến hành truy nguyên do số lượng ít, chất lượng không đạt yêu cầu, đa số các trường hợp giám định về cơ chế hình thành nên các vết thương của bị hại, các vật chứng thu giữ có gây ra các vết thương trên người bị hại không? Vật chứng nào gây ra vết thương nào? phải trưng cầu giám định nhiều cơ quan, đôi khi các kết luận giám định khác nhau... khó sử dụng trong việc xử lý người phạm tội như **vụ án 5** phải giám định bổ sung cơ chế hình thành các vết thương của bị hại, hung khí nào gây nên vết thương nào trên cơ thể bị hại.

*- Thu thập chứng cứ thông qua hoạt động khám xét*

Thực tiễn hoạt động điều tra các vụ án hình sự nói chung và vụ án cố ý gây thương tích nói riêng cho thấy, hoạt động khám xét có ý nghĩa rất to lớn trong việc thu thập chứng cứ nhằm làm rõ những tình tiết của vụ án. Hoạt động khám xét được tiến hành đối với người, chỗ ở, chỗ làm việc, địa điểm, đồ vật,... Việc khám xét được tiến hành khi có căn cứ nhận định rằng trong người, chỗ ở, chỗ làm việc, địa điểm của một người có công cụ, phương tiện phạm tội, hoặc đồ vật, tài liệu khác có liên quan đến vụ án.

Qua khảo sát thực tiễn, khi hoạt động phạm tội cố ý gây thương tích xảy ra, quá trình thực hiện hành vi phạm tội có thể diễn ra ở nhiều địa điểm khác nhau, nhiều khâu từ việc nghiên cứu quy luật sinh hoạt, đi lại của nạn nhân, chuẩn bị công cụ phương tiện gây án, thực hiện hành vi phạm tội, che dấu tội phạm, phi tang công cụ phương tiện, xóa dấu vết,... Vì vậy, việc xác định hiện trường chính nơi xảy ra hành vi cố ý gây thương tích và các dấu vết để lại hiện trường là quan trọng. Hơn nữa, do người bị hại có thể đã chết, không có người làm chứng, các dấu vết để lại hiện trường không rõ ràng hoặc đã bị thay đổi... Chính vì vậy, ngoài việc phát hiện hiện trường chính của vụ án và tiến hành khám nghiệm hiện trường, thì CQĐT phải tiến hành khám xét các địa điểm cần thiết để thu giữ các dấu vết, đồ vật, tài liệu, vật chứng liên quan đến vụ án, đồng thời tiến hành thu thập, đánh giá, sử dụng các đồ vật, tài liệu đó...

Trong 716 vụ án cố ý gây thương tích xảy ra, CQĐT đã tiến hành khám xét 430 vụ (chiếm tỷ lệ 60%). Hầu hết trong các vụ án có áp dụng biện pháp khám xét, khi xét thấy đủ căn cứ để áp dụng thì đều thu thập các dấu vết liên quan đến vụ án như: Dấu vết, quần áo, công cụ, phương tiện gây án và tang vật của vụ án. Việc tiến hành khám xét trong điều tra vụ án cố ý gây thương tích được tiến hành chủ yếu đối với khám chỗ ở, địa điểm (chiếm tỷ lệ 100%).

Để đảm bảo hiệu quả của hoạt động khám xét và tuân thủ các qui định của pháp luật, trước khi tiến hành khám xét, CQĐT đã tiến hành nghiên cứu kỹ lưỡng, thận trọng những thông tin đã thu thập được của vụ án, thông qua: Kết quả khám nghiệm hiện trường, về các đồ vật, tài liệu, dấu vết...; lời khai của người bị hại về đối tượng, công cụ, phương tiện gây án, về địa điểm gây án; lời khai của người làm chứng... xem xét những căn cứ để áp dụng biện pháp khám xét. Chỉ tiến hành khám xét khi có đầy đủ các căn cứ theo qui định của pháp luật. Mặt khác, nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động này, bên cạnh việc xem xét căn cứ, CQĐT còn tiến hành nghiên cứu kỹ lưỡng về đối tượng, về những nơi dự định khám xét. Vì vậy, phần lớn các cuộc khám xét chỗ ở, địa điểm đều thu thập được chứng cứ và các tài liệu có liên quan đến vụ án như công cụ, phương tiện gây án, dấu vết máu, quần áo và các đồ vật ... Những chứng cứ này có ý nghĩa rất quan trọng trong việc chứng minh hành vi phạm tội của đối tượng.

Thông thường, khi thực hiện hành vi cố ý gây thương tích, đối tượng thường có sự chuẩn bị kỹ càng, nhất là cố ý gây thương tích do thù tức, mâu thuẫn từ trước... hay hành vi cố ý gây thương tích của đối tượng thường phải sử dụng công cụ, phương tiện gây án, thường để lại các dấu vết máu trên quần áo, người của thủ phạm... thủ phạm cất giấu ở những địa điểm khác nhau. Do đó phải tiến hành khám xét ngoài việc khám nghiệm hiện trường để thu giữ các tài liệu, dấu vết, đồ vật... Đây là yếu tố thuận lợi để thu thập chứng cứ thông qua biện pháp khám xét, tuy nhiên phải đảm bảo tính bất ngờ trong khi tiến hành khám xét, tránh tình trạng đánh động làm cho đối tượng tiêu huỷ thông tin, tài liệu có liên quan của vụ án. Chứng cứ thu thập được thông qua hoạt động khám xét thường được CQĐT thu thập kỹ

càng, xem xét ý nghĩa chứng minh của chứng cứ, trên cơ sở đó sử dụng ngay chứng cứ vào việc thu thập tài liệu chứng cứ mới, lựa chọn phương pháp, biện pháp điều tra và thu thập những chứng cứ mới, sử dụng làm căn cứ để đưa ra các quyết định tố tụng. Tuy nhiên, hoạt động thu thập chứng cứ thông qua khám xét còn hạn chế đó là: Không xâm chuỗi được với các chứng cứ khác, do CQĐT chưa nghiên cứu kỹ hồ sơ, tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, nhiều chứng cứ không được thu thập ngay trong quá trình khám xét mà được đưa về cơ quan mới tiến hành, dẫn đến nhiều chứng cứ thu được ở khám xét không có giá trị chứng minh, không liên quan với các chứng cứ khác...

*- Thu thập chứng cứ thông qua hoạt động đối chất, nhận dạng, thực nghiệm điều tra*

Đối chất là một trong những biện pháp điều tra được CQĐT sử dụng để thu thập lời khai của người bị hại, người làm chứng, bị can. Đối chất là một biện pháp thu thập chứng cứ tương đối khó thực hiện, nhất là đối với những ĐTV ít kinh nghiệm thì việc tiến hành rất khó khăn. Qua thống kê cho thấy có 103 vụ (chiếm tỷ lệ 14,4%) số vụ CQĐT tiến hành thu thập chứng cứ bằng đối chất, chủ yếu là các vụ án có mâu thuẫn giữa lời khai của người bị hại, người làm chứng với bị can hay giữa các bị can với nhau. Qua đối chất, CQĐT đã thu thập tính chính xác, giá trị chứng minh chủ yếu là lời khai của bị can, có một vài trường hợp để chứng minh người bị hại đã khai báo gian dối nhằm làm tăng trách nhiệm hình sự của bị can, thực hiện việc đối chất giữa các bị can với nhau để thu thập lời khai chủ yếu là của đối tượng chủ mưu, cầm đầu... Hoạt động đối chất được CQĐT thực hiện tương đối tốt, mang lại hiệu quả trong việc thu thập chứng cứ. Tuy nhiên, một số trường hợp, việc thu thập không đạt được do người bị hại, người làm chứng đã khai theo người phạm tội do bị đe dọa hay mua chuộc, một số bị can là người giúp sức, thực hành đã khai theo đối tượng chủ mưu, cầm đầu hoặc người thuê cố ý gây thương tích do sợ bị trả thù...

CQĐT đã thu thập lời khai của người bị hại, người làm chứng về đặc điểm nhận dạng của đối tượng, đặc điểm của công cụ, phương tiện gây án. bằng cách tiến

hành việc nhận dạng 72 vụ (chiếm tỷ lệ 10%) để kiểm tra tính chính xác của lời khai, đồng thời chứng minh được thủ phạm của vụ án, công cụ, phương tiện gây án. Tuy nhiên, trong nhiều vụ án cố ý gây thương tích được tổ chức nhận dạng chưa được tiến hành theo đúng quy định nên kết quả không được công nhận, sử dụng, việc nhận dạng đối với công cụ, phương tiện còn ít...

Có 235 vụ cố ý gây thương tích (chiếm tỷ lệ 32,8%), CQĐT đã tiến hành cho thực nghiệm điều tra để thu thập lời khai của bị can, người bị hại, người làm chứng và kết quả khám nghiệm hiện trường, phương thức thực hiện hành vi phạm tội... để chứng minh tội phạm và người phạm tội. Nhìn chung là hoạt động thực nghiệm điều tra tiến hành đúng quy định của pháp luật, phát huy hiệu quả trong việc thu thập, đánh giá các loại chứng cứ thu được từ các nguồn nêu trên. Tuy vậy, hoạt động thực nghiệm điều tra đôi lúc không được tiến hành trong điều kiện, hoàn cảnh tương tự nên cho kết quả sai lệch, quá trình thực nghiệm CQĐT đã không nghiên cứu kỹ các điều kiện, các thông tin, tài liệu thu được từ các hoạt động khác để kiểm tra, đối chiếu...

#### *2.2.2.2. Hoạt động đánh giá chứng cứ*

Theo quy định của pháp luật TTHS thì có hai phương pháp đánh giá chứng cứ, đó là: đánh giá từng chứng cứ và đánh giá tổng hợp các chứng cứ.

##### *- Đánh giá từng chứng cứ thu thập được*

Trong quá trình điều tra, làm rõ vụ án cố ý gây thương tích, khi đánh giá từng chứng cứ thì CQĐT phải xem xét chứng cứ đó giải quyết được nội dung nào của vụ án, có thể làm rõ được một phần hay toàn bộ vấn đề cần phải chứng minh, chứng cứ này có nằm trong hệ thống chứng cứ của vụ án hay không, có liên quan và thống nhất với các chứng cứ khác trong vụ án hay không, chứng cứ này trong vụ án được sử dụng như thế nào trong quá trình giải quyết vụ án, để từ đó rút ra giá trị chứng minh của từng chứng cứ.

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án cố ý gây thương tích trên địa bàn tỉnh Bình Phước của CQĐT đã tiến hành điều tra, xử lý thì việc đánh giá chứng cứ được thể hiện rõ qua các kế hoạch điều tra; các báo cáo, đề xuất của Cán bộ điều tra và ĐTV;

các văn bản trao đổi về đường hướng xử lý vụ án giữa CQĐT, VKS và Tòa án... Các loại chứng cứ được đưa ra xem xét và đánh giá như: chứng cứ trực tiếp, chứng cứ gián tiếp, chứng cứ gốc, chứng cứ sao chép lại, chứng cứ thuật lại, chứng cứ gỡ tội, chứng cứ buộc tội.

*- Đánh giá tổng hợp các chứng cứ*

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 66 Bộ luật TTHS: “ĐTV, Kiểm sát viên, Thẩm phán và Hội thẩm xác định và đánh giá mọi chứng cứ với đầy đủ tinh thần trách nhiệm, sau khi nghiên cứu một cách tổng hợp, khách quan, toàn diện và đầy đủ tất cả các tình tiết của vụ án”.

Qua nghiên cứu cho thấy, những chứng cứ thu thập được trong các vụ án có ý gây thương tích đều được CQĐT đánh giá tổng hợp, những chứng cứ đã thu thập được thông qua các hoạt động khám nghiệm hiện trường, kiểm tra các dấu vết thương tích trên người bị hại, kết quả giám định... được đánh giá tổng hợp để xác định có tội phạm hay không có tội phạm xảy ra. Trong quá trình điều tra CQĐT luôn đưa những chứng cứ đã thu thập được để đánh giá từ đó xác định ai là người phạm tội, có đồng phạm hay không, vai trò của từng người trong vụ án, đồng thời áp dụng các biện pháp ngăn chặn cho phù hợp với điều kiện thực tiễn của vụ án.

Thực tiễn cho thấy việc đánh giá chứng cứ giữa các Cơ quan THTT còn nhiều quan điểm khác nhau khi xem xét về tội danh cũng như trong tổng hợp các hành vi của các đối tượng bị khởi tố. Một số vụ án sau khi CQĐT kết thúc điều tra, chuyển hồ sơ sang VKS đề nghị truy tố, đã bị VKS trả lại hồ sơ để chuyển tội danh hoặc đình chỉ, hoặc trong giai đoạn xét xử đã bị Tòa án trả lại hồ sơ để điều tra bổ sung do lượng chứng cứ còn yếu, thiếu chưa đủ để buộc tội đối với bị cáo. Qua nghiên cứu hoạt động đánh giá tổng hợp chứng cứ các vụ án có ý gây thương tích của CQĐT từ năm 2011 đến năm 2015, tác giả nhận thấy:

+ Sau khi CQĐT kết thúc điều tra, chuyển hồ sơ vụ án đến VKS đề nghị truy tố, do đánh giá chứng cứ không thống nhất nên VKS đình chỉ vụ án: 03 vụ (0.42%).



+ Sau khi CQĐT kết thúc điều tra, chuyển hồ sơ vụ án đến VKS đề nghị truy tố, do đánh giá chứng cứ không thống nhất nên VKS yêu cầu điều tra bổ sung: 95 vụ (chiếm 13.2%).

Như vậy, hoạt động đánh giá chứng cứ trong điều tra vụ án cố ý gây thương tích của CQĐT mặc dù đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật TTHS, nhưng vẫn còn có một số hạn chế nhất định, có những vụ án VKS trả hồ sơ đề nghị CQĐT điều tra bổ sung đến 04 lần. CQĐT đã ít coi trọng đánh giá từng chứng cứ đơn lẻ thu thập được mà chỉ chú ý xem xét tổng thể các chứng cứ đã thu thập được, không phân tích cụ thể chứng cứ nào dùng để chứng minh cho tình tiết nào của vụ án. Đánh giá chứng cứ thiếu đồng bộ, việc đưa từng chứng cứ vào trong toàn bộ hệ thống chứng cứ để đánh giá thường bị xem nhẹ, hoặc bỏ quên nên hiệu quả chứng minh không cao như **vụ án 1**, **vụ án 5**. Có nhiều lực lượng tham gia vào quá trình đánh giá chứng cứ dẫn đến sự chỉ đạo và triển khai các biện pháp nghiệp vụ gặp nhiều khó khăn, trở ngại. Sự phân công trách nhiệm không rõ ràng, vẫn còn hiện tượng đùn đẩy trách nhiệm làm cho hoạt động điều tra còn kém hiệu quả. Trong quá trình đánh giá chứng cứ CQĐT đã không xem xét kỹ lưỡng nguồn gốc của chứng cứ, cho nên làm mất giá trị chứng minh của chứng cứ. Hoặc do không tôn trọng các cơ chế khoa học về nguồn gốc hình thành chứng cứ, cho nên đánh giá chứng cứ còn nặng về suy đoán chủ quan, nhận thức cảm tính, làm sai lệch bản chất của vụ án, đánh giá chứng cứ của ĐTV, KSV, TP chưa có sự thống nhất về giá trị của chứng cứ, về khái niệm “những gì có thật” là những “thông tin có thật” hay là “những đồ vật, tài liệu thực tế” nhầm lẫn giữa chứng cứ và nguồn chứng cứ. **như vụ án 1** phải giám định nhiều lần. Để hoạt động này đạt hiệu quả cao hơn nữa, đòi hỏi CQĐT trong quá trình giải quyết vụ án phải thật sự công tâm, đánh giá mọi vấn đề phải dựa vào thực tế khách quan, ĐTV không ngừng học tập, nâng cao kiến thức và kinh nghiệm thực tế trong đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung và tội cố ý gây thương tích nói riêng.

### *2.2.2.3. Sử dụng chứng cứ*

Sử dụng chứng cứ trong điều tra vụ án cố ý gây thương tích là việc CQĐT sử dụng các chứng cứ đã thu thập được để tiến hành các biện pháp điều tra, để chứng minh tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội. Qua nghiên cứu cho thấy CQĐT đã sử dụng chứng cứ trong điều tra vụ án cố ý gây thương tích, cụ thể như sau:

*- Sử dụng chứng cứ để lập kế hoạch, xây dựng giả thuyết điều tra.*

Qua nghiên cứu hoạt động điều tra các vụ án cố ý gây thương tích trên địa bàn tỉnh Bình Phước, chúng tôi thấy 100% các vụ án đều lập kế hoạch điều tra. Trong kế hoạch điều tra CQĐT đã thể hiện được các nội dung sau: Nhìn nhận, đánh giá về vụ án; thực trạng tiến hành các biện pháp điều tra, nhận xét ưu khuyết điểm; xây dựng giả thuyết điều tra về vụ án; xác định mục đích, nhiệm vụ của giai đoạn điều tra tiếp theo; lực lượng, phương tiện, biện pháp tiến hành điều tra; mối quan hệ giữa các lực lượng; công tác lãnh đạo, chỉ đạo trong hoạt động điều tra; thời hạn bắt đầu và kết thúc, sơ kết, tổng kết hoạt động điều tra vụ án.

Trong các nội dung trên thì việc xây dựng giả thuyết điều tra có vị trí rất quan trọng, là cơ sở để tiến hành các biện pháp điều tra. Qua nghiên cứu thực tế giả thuyết điều tra các vụ án cố ý gây thương tích mà CQĐT sử dụng những chứng cứ đã thu thập được để xây dựng, nội dung giả thuyết thường bao gồm:

+ Giả thuyết về động cơ, mục đích gây án. Đây là giả thuyết làm tiền đề để đặt ra giả thuyết về đối tượng gây án.

+ Giả thuyết về thời gian, địa điểm gây án.

+ Giả thuyết về thủ đoạn gây án và che dấu tội phạm.

+ Giả thuyết về hung khí, công cụ, phương tiện gây án và nơi cất dấu.

+ Giả thuyết về đối tượng gây án như: số lượng, nghề nghiệp, tiền án tiền sự, có quen với nạn nhân không, người trên địa bàn hoặc địa bàn khác đến.

+ Giả thuyết về mối quan hệ giữa vụ án và các vụ việc hình sự khác xảy ra trên địa bàn.

Qua nghiên cứu thực tế các kế hoạch điều tra các vụ án cố ý gây thương tích trên địa bàn tỉnh, nhận thấy có 90% kế hoạch có giả thuyết điều tra đạt yêu cầu, đảm

bảo đầy đủ nội dung. Còn lại 10% giả thuyết điều tra chưa đảm bảo yêu cầu, chủ yếu tồn tại những thiếu sót sau: Giả thuyết điều tra sai, còn thiếu dựa vào cơ sở về hoàn cảnh điều kiện xảy ra vụ án để đặt giả thuyết điều tra, giả thuyết điều tra còn mang tính chung chung, lý thuyết từ đó rất khó khăn cho quá trình tiến hành các biện pháp điều tra làm rõ tội phạm.

*- Sử dụng chứng cứ để phát hiện, thu thập những chứng cứ mới, và kiểm tra, đánh giá những thông tin, tài liệu, chứng cứ mới thu thập được trong quá trình điều tra vụ án.*

Trong quá trình điều tra vụ án cố ý gây thương tích, CQĐT đã sử dụng những chứng cứ đã thu thập được để phát hiện, thu thập những chứng cứ mới và sử dụng những chứng cứ này để kiểm tra, đánh giá về các thuộc tính cũng như giá trị chứng minh của các chứng cứ đã thu thập được, như việc dùng lời khai của người làm chứng, người bị hại để tiến hành thu thập chứng cứ thông qua biện pháp khám xét, sử dụng các kết quả giám định, thực nghiệm điều tra để đấu tranh với đối tượng, thu thập chứng cứ thông qua lời khai của đối tượng và ngược lại.

*- Sử dụng chứng cứ để làm căn cứ cho việc ra các quyết định tố tụng*

+ Sử dụng chứng cứ để làm căn cứ khởi tố vụ án, khởi tố bị can

Sau khi tiếp nhận các tin báo, tố giác về tội phạm cơ quan có thẩm quyền sẽ áp dụng các biện pháp được quy định trong Bộ luật TTHS để thu thập chứng cứ về sự việc, tất cả những thông tin, tài liệu, chứng cứ thu thập được sau khi được kiểm tra, đánh giá sẽ xác định được có hay không có dấu hiệu của tội phạm, ai là người đã thực hiện tội phạm... để từ đó sử dụng nó làm căn cứ để khởi tố hay không khởi tố VAHS, và khởi tố bị can, phục vụ cho công tác điều tra, khám phá tội phạm.

Qua nghiên cứu thực tế cho thấy CQĐT đã sử dụng những chứng cứ thu thập được làm căn cứ để khởi tố vụ án (716 vụ, chiếm 100%), khởi tố bị can (1320 bị can).

+ Sử dụng chứng cứ đã thu thập được để làm căn cứ cho việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn.

Ngoài việc sử dụng những chứng cứ đã thu thập được dùng làm căn cứ để ra quyết định khởi tố VAHS và khởi tố bị can, CQĐT còn sử dụng các chứng cứ đã thu thập được để báo cáo lãnh đạo ra các quyết định về việc áp dụng biện pháp ngăn chặn cần thiết đối với các bị can phạm tội cố ý gây thương tích, cụ thể:

Qua nghiên cứu 716 hồ sơ vụ án giết người với 1320 bị can cho thấy, CQĐT đã áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam 1050 bị can, chiếm 79,55%; 270 bị can còn lại được áp dụng các biện pháp ngăn chặn khác, chiếm 20,45%.

Tóm lại, hoạt động thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ trong điều tra vụ án cố ý gây thương tích, về bản chất nó chính là hoạt động chứng minh vụ án, được tiến hành đồng thời và thông qua nhiều biện pháp theo quy định của pháp luật. Hoạt động này của CQĐT trong thời gian qua cơ bản đã thực hiện có hiệu quả, góp phần to lớn vào hoạt động điều tra tội phạm cố ý gây thương tích trên địa bàn tỉnh.

### **2.3. Đánh giá, nhận xét thực trạng hoạt động thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ trong điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác ở tỉnh Bình Phước**

#### **2.3.1. Những ưu điểm**

CQĐT đã bố trí cơ cấu, sắp xếp đội ngũ ĐTV, cán bộ điều tra, trinh sát tương đối hợp lý trong điều tra các vụ án cố ý gây thương tích xảy ra trên địa bàn tỉnh. Do đó, hoạt động thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ được các ĐTV, cán bộ điều tra tiến hành nghiêm túc và có sự hỗ trợ của trinh sát, phối kết hợp của Kiểm sát viên.

- Tất cả các vụ án cố ý gây thương tích xảy ra đều được CQĐT tiến hành hoạt động thu thập, đánh giá, sử dụng các chứng cứ đã thu thập được để sử dụng vào việc chứng minh tội phạm và người phạm tội. Lực lượng ĐTV, cán bộ điều tra, trinh sát được đào tạo tương đối cơ bản, có năng lực, có lập trường tư tưởng vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt, luôn có ý thức học hỏi, trau dồi những kiến thức pháp luật, nghiệp vụ, kinh nghiệm thực tế. Do đó, hoạt động thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ trong điều tra vụ án giết người được thực hiện nghiêm túc và đạt một số kết quả nhất định.

- Hoạt động thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ trong điều tra vụ án cố ý gây thương tích đã nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của Ban Giám đốc Công an tỉnh, của lãnh đạo CQĐT, và lãnh đạo Công an các địa phương, cũng như được sự nhiệt tình giúp đỡ của đông đảo quần chúng nhân dân đối với hoạt động này.

- Hoạt động thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ đã có sự phối hợp với các cơ quan THTT khác như Viện Kiểm sát, và các lực lượng khác như kỹ thuật hình sự, Công an các huyện, thị, Phòng Hồ sơ nghiệp vụ, lực lượng trinh sát... góp phần nâng cao hiệu quả, chất lượng kiểm tra, xác minh chứng cứ trong điều tra các vụ án cố ý gây thương tích xảy ra trên địa bàn tỉnh.

### ***2.3.2. Những hạn chế, thiếu sót***

Những hạn chế, thiếu sót trong hoạt động thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ trong điều tra vụ án cố ý gây thương tích thể hiện rõ nét nhất qua quá trình giải quyết vụ án và chất lượng hồ sơ vụ án. Trong số những vụ án cố ý gây thương tích mà CQĐT tiến hành điều tra còn có nhiều vụ phải tiến hành điều tra bổ sung hoặc phải kéo dài thời hạn điều tra. Bên cạnh đó, có nhiều vụ sau khi tiến hành điều tra không có đủ tài liệu, chứng cứ để chứng minh hành vi phạm tội của đối tượng mặc dù xét về bản chất của vấn đề đối tượng đã phạm tội cố ý gây thương tích. Hoặc có những vụ, sau khi tiến hành điều tra với những chứng cứ thu thập được, CQĐT và VKS còn khác nhau trong đánh giá chứng cứ, không xác định được tội danh chính xác. Những tồn tại thiếu sót đó trong công tác điều tra vụ án chủ yếu trực tiếp bắt nguồn từ những hạn chế, thiếu sót trong quá trình thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ.

Nghiên cứu hoạt động thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ trong điều tra tội cố ý gây thương tích ở Bình Phước thời gian qua, tác giả nhận thấy:

- Đối với hoạt động thu thập chứng cứ:
  - + Thu thập không đầy đủ chứng cứ cho nên không làm sáng tỏ được vụ án.
  - + Xác định không đúng phạm vi, giới hạn chứng minh, dẫn đến thu thập thông tin, tài liệu một cách tràn lan; hạn chế tính liên quan, khả năng chứng minh kém, tác động xấu tới việc xây dựng các giả thuyết điều tra, hoạt động điều tra kém

hiệu quả hoặc vụ án trả điều tra bổ sung, kéo dài có vụ rơi vào bế tắc. Những hạn chế này thường xảy ra trong quá trình tiến hành điều tra ban đầu của vụ án như **vụ án 1, vụ án 5**

+ Phiên diện trong thu thập chứng cứ, chỉ tập trung thu thập chứng cứ buộc tội hoặc gỡ tội, hoặc chỉ quan tâm thu thập chứng cứ trực tiếp mà bỏ qua chứng cứ gián tiếp. Vì vậy, việc chứng minh vụ án không được khách quan, toàn diện.

- *Đối với hoạt động đánh giá chứng cứ:*

+ CQĐT đã ít coi trọng đánh giá từng chứng cứ đơn lẻ thu thập được mà chỉ chú ý xem xét tổng thể các chứng cứ đã thu thập được, không phân tích cụ thể chứng cứ nào dùng để chứng minh cho tình tiết nào của vụ án. Đánh giá chứng cứ thiếu đồng bộ, việc đưa từng chứng cứ vào trong toàn bộ hệ thống chứng cứ để đánh giá thường bị xem nhẹ, hoặc bỏ quên nên hiệu quả chứng minh không cao như **vụ án 1, vụ án 5**

+ Có nhiều lực lượng tham gia vào quá trình đánh giá chứng cứ dẫn đến sự chỉ đạo và triển khai các biện pháp nghiệp vụ gặp nhiều khó khăn, trở ngại. Sự phân công trách nhiệm không rõ ràng, vẫn còn hiện tượng đùn đẩy trách nhiệm làm cho hoạt động điều tra còn kém hiệu quả.

+ Trong quá trình đánh giá chứng cứ CQĐT đã không xem xét kỹ lưỡng nguồn gốc của chứng cứ, cho nên làm mất giá trị chứng minh của chứng cứ. Hoặc do không tôn trọng các cơ chế khoa học về nguồn gốc hình thành chứng cứ, cho nên đánh giá chứng cứ còn nặng về suy đoán chủ quan, nhận thức cảm tính, làm sai lệch bản chất của vụ án, đánh giá chứng cứ của ĐTV, KSV, TP chưa có sự thống nhất về giá trị của chứng cứ, về khái niệm “những gì có thật” là những “thông tin có thật” hay là “những đồ vật, tài liệu thực tế” nhằm lẫn giữa chứng cứ và nguồn chứng cứ. **như vụ án 1** phải giám định nhiều lần.

- *Đối với hoạt động sử dụng chứng cứ:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, việc sử dụng chứng cứ được tiến hành ngay trong quá trình thu thập, đánh giá chứng cứ. Sử dụng chứng cứ không chỉ có ý nghĩa nhằm chứng minh các tình tiết của vụ án mà nó còn là cơ sở để thu thập và kiểm tra

đối với các chứng cứ mới, là cơ sở để ra các quyết định tố tụng cũng như trong xây dựng và lập kế hoạch điều tra vụ án. Tuy nhiên, trong thực tiễn CQĐT đã chưa nhận thức được đầy đủ ý nghĩa quan trọng của hoạt động này, chưa khai thác hết các thông tin, tài liệu, chứng cứ thu thập được, việc sử dụng chứng cứ để chứng minh tội phạm và người phạm tội đôi lúc còn thiếu khách quan, chưa tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

### **2.3.3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế**

Theo chúng tôi, những hạn chế, thiếu sót nêu trên trong thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ xuất phát từ một số nguyên nhân sau:

- Về khách quan:

+ Pháp luật tố tụng hình sự chưa quy định cụ thể về giới hạn chứng minh mà chỉ nêu nguyên tắc chung định hướng “*làm rõ những chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định vô tội*” [11, tr. 9], chưa quy định rõ ràng trình tự thủ tục, thời hạn, trách nhiệm của các chủ thể liên quan đến hoạt động giám định; giá trị của các kết luận giám định lần đầu và lần sau. Việc tổ chức nghiên cứu lý luận về chứng cứ và hoạt động thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ trong điều tra vụ án cố ý gây thương tích còn ít được quan tâm, còn thiếu những chỉ dẫn khoa học cho thực tiễn hoạt động thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ trong điều tra vụ án.

+ Trong quá trình điều tra vụ án cố ý gây thương tích, hoạt động thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ bị hạn chế rất nhiều, nó chỉ tập trung ở một số nguồn, như lời khai của người làm chứng hoặc các dấu vết mà đối tượng để lại nơi ở, trên thân thể người bị hại...

+ Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của ĐTV thiếu toàn diện trong bối cảnh việc điều tra vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác đòi hỏi phải vận dụng nhiều kiến thức nghiệp vụ của các lĩnh vực khoa học khác; nhận thức về thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ của ĐTV, KSV, TP đối với nguồn chứng cứ, chứng cứ còn có khi khác nhau [21,22]. Yếu tố này ảnh hưởng không nhỏ tới hiệu quả của hoạt động điều tra.

- Về chủ quan:

+ Đội ngũ ĐTV, cán bộ điều tra, trinh sát còn thiếu so với yêu cầu thực tiễn nên quá tải án, dẫn đến việc tập trung nâng cao chất lượng điều tra còn hạn chế. Đa số ĐTV có chức danh ĐTV trung cấp và sơ cấp, thiếu kinh nghiệm thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ trong điều tra các vụ án cố ý gây thương tích, chưa nắm vững các quy định của pháp luật về hoạt động này.

+ Trong nghiên cứu thu thập, đánh giá dấu vết, hiện trường sự phối hợp giữa CQĐT với cán bộ kỹ thuật và giám định viên pháp y chưa được chặt chẽ, thống nhất. Tình trạng phân công trách nhiệm không rõ ràng giữa lực lượng điều tra với lực lượng khác tham gia còn rất phổ biến; vẫn còn hiện tượng đùn đẩy trách nhiệm làm cho hoạt động điều tra kém hiệu quả.

+ Nhiều cán bộ điều tra ở cấp cơ sở trình độ nghiệp vụ, trình độ pháp luật còn hạn chế nên việc phát hiện, mô tả, thu giữ tài liệu, vật chứng thu thập được tại hiện trường vụ án trong giai đoạn điều tra ban đầu có nhiều sai sót...

## **Kết luận Chương 2**

Trong Chương 2, luận văn đã nghiên cứu thực trạng hoạt động thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ trong điều tra tội cố ý gây thương tích theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Bình Phước từ năm 2011 đến năm 2015 gồm các nội dung sau: Tình hình tội cố ý gây thương tích diễn ra trên địa bàn tỉnh Bình Phước từ năm 2011 đến năm 2015; Những đặc điểm hình sự của tội cố ý gây thương tích; phân tích tình hình, kết quả hoạt động thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ trong điều tra tội cố ý gây thương tích theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Bình Phước từ năm 2011 đến năm 2015; đánh giá, nhận xét về ưu điểm, tồn tại, hạn chế trong hoạt động thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ trong điều tra tội cố ý gây thương tích và nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế đó.

Nội dung nghiên cứu trong Chương 2 là những cơ sở để đưa ra dự báo tình hình tội phạm cố ý gây thương tích, đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ trong điều tra tội cố ý gây thương



tích theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Bình Phước trong thời gian tới ở Chương 3 của luận văn.

### Chương 3

## GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG THU THẬP, ĐÁNH GIÁ, SỬ DỤNG CHỨNG CỨ TRONG ĐIỀU TRA TỘI CỐ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TỔN HẠI CHO SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC Ở TỈNH BÌNH PHƯỚC

**3.1. Dự báo các yếu tố tác động đến hoạt động thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ trong điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác ở tỉnh Bình Phước trong thời gian tới**

### *3.1.1. Cơ sở của dự báo*

Cùng với sự phát triển của đất nước, trong những năm tới, tỉnh Bình Phước tiếp tục đẩy mạnh chính sách mở rộng, thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước, tạo điều kiện thuận lợi cho tỉnh phát triển mạnh mẽ trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội; trở thành một tỉnh có nền công nghiệp phát triển mạnh trong khu vực miền Nam và của cả nước. Bên cạnh đó, hàng loạt các vấn đề xã hội là nguyên nhân, điều kiện phát sinh và tồn tại của tội phạm hình sự nói chung và tội phạm cố ý gây thương tích nói riêng, cụ thể:

- Trong công cuộc đổi mới, xây dựng và phát triển đất nước, tỉnh Bình Phước tiếp tục được quan tâm đầu tư và thu hút đầu tư mạnh mẽ. Điều đó được thể hiện ở các khu công nghiệp tiếp tục được đầu tư xây dựng và đi vào hoạt động, số người lao động nhập cư rất đông từ khắp nơi đổ về tìm việc làm ngày càng lớn, các loại hình dịch vụ ngày càng phong phú... Điều này sẽ làm cho tình hình an ninh trật tự trên địa bàn càng thêm phức tạp, tạo điều kiện cho các đối tượng hình sự tập trung đến đây để ản náu, gây án. Trong đó, có tội phạm cố ý gây thương tích.

- Mặt trái của nền kinh tế thị trường dẫn đến một bộ phận người dân bị xuống cấp về đạo đức, lối sống; một bộ phận dân cư muốn làm giàu một cách nhanh chóng với bất kỳ hình thức nào kể cả phạm tội; sự phân hóa giàu nghèo trong các tầng lớp nhân dân ngày càng sâu sắc cũng dễ dẫn đến phạm tội cố ý gây thương tích.

- Ảnh hưởng của các loại văn hóa phẩm đồi trụy, của bạo lực trong các game online đã làm cho một bộ phận quần chúng nhân dân, nhất là số thanh, thiếu niên hình thành lối sống ăn chơi, trụy lạc, thích hưởng thụ, lười lao động. Chính điều đó đã làm cho tình hình tội phạm hình sự nói chung và tội phạm cố ý gây thương tích nói riêng diễn biến ngày càng phức tạp.

- Với chính sách mở cửa, phát triển kinh tế nhiều thành phần, sẽ dẫn đến những tranh chấp kinh tế, tranh chấp trong nhiều lĩnh vực kinh doanh, khi phát sinh mâu thuẫn không giải quyết theo khuôn khổ pháp luật mà giải quyết bằng bạo lực hoặc thuê mướn các băng, nhóm chuyên đâm thuê chém mướn thanh toán lẫn nhau. Sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong và ngoài nước trong hoạt động sản xuất, kinh doanh ngày càng khốc liệt. Để đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển các nhà kinh doanh luôn tìm cách đầu tư công nghệ cao, cắt giảm biên chế... nên số người thất nghiệp sẽ gia tăng. Chính vì vậy, tình hình an ninh trật tự trên địa bàn sẽ càng phức tạp, nguy cơ phạm tội tiềm ẩn trong số những người này rất cao. Trong đó, tồn tại nguy cơ phạm tội cố ý gây thương tích.

- Tình hình tội phạm và tệ nạn xã hội, nhất là tệ nạn mại dâm, nghiện hút ma túy vẫn có những diễn biến phức tạp, tăng giảm không theo quy luật nhưng có xu hướng ngày càng tăng. Tội phạm cố ý gây thương tích cũng không nằm ngoài quy luật trên. Bên cạnh đó, công tác phòng ngừa xã hội với loại tội phạm này chưa đáp ứng được với yêu cầu thực tế, một số nguyên nhân và điều kiện phát sinh tội phạm cố ý gây thương tích vẫn chậm được khắc phục.

- Công tác điều tra, khám phá, xử lý các vụ án cố ý gây thương tích của CQĐT Công an tỉnh Bình Phước đã đạt được những kết quả nhất định nhưng vẫn tồn tại những nguyên nhân khách quan, chủ quan. Một số vụ chưa bắt giữ được đối tượng chính và thu hồi hung khí, đặc biệt là các ổ nhóm tội phạm sử dụng vũ khí tự chế (súng tự chế...) gây án, nên số đối tượng này vẫn tiềm ẩn nguy cơ tiếp tục gây án làm ảnh hưởng đến công tác điều tra, xử lý đối với loại tội phạm này.

- Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Bình Phước còn một bộ phận đối tượng đi cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng được cho về gia đình, đối tượng mới ra tù. số đối

tượng này chưa được quản lý chặt chẽ, chưa có việc làm ổn định hoặc không có việc làm, trong số này có nhiều đối tượng đang có biểu hiện nghi vấn hoạt động phạm tội, trong đó có tội phạm cố ý gây thương tích.

- Dù đã có nhiều hình thức tuyên truyền và phổ biến pháp luật nhưng sự tiếp thu và hiểu biết pháp luật của một bộ phận quần chúng nhân dân còn hạn chế; ý thức coi thường pháp luật, coi thường tính mạng, sức khỏe của người khác vẫn còn tồn tại trong một bộ phận dân cư.

Do các yếu tố trên, tình hình tội phạm hình sự nói chung và tội phạm cố ý gây thương tích nói riêng trên địa bàn tỉnh Bình Phước sẽ có những diễn biến phức tạp. Trước tình hình đó, đòi hỏi CQĐT và các cơ quan chức năng khác phải có những phương án hợp lý để chủ động trong công tác phòng ngừa và đấu tranh chống loại tội phạm này.

### ***3.1.2. Nội dung dự báo***

Từ những cơ sở dự báo về các yếu tố tác động đến hoạt động thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ trong điều tra tội cố ý gây thương tích như đã phân tích ở trên, căn cứ vào thực tế tình hình tội phạm cố ý gây thương tích trên địa bàn tỉnh Bình Phước từ năm 2011 đến năm 2015, có thể đưa ra những dự báo về hoạt động thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ trong điều tra vụ án cố ý gây thương tích thời gian tới sẽ gặp nhiều khó khăn, thách thức, cụ thể:

- Về tình hình tội phạm cố ý gây thương tích: Trong thời gian tới, tình hình hoạt động của tội phạm tội phạm cố ý gây thương tích sẽ có những diễn biến phức tạp; về cơ cấu, loại tội phạm này không giảm mà vẫn ở mức cao như những năm vừa qua, thậm chí còn có xu hướng tăng lên về số vụ, về mức độ nghiêm trọng; phương thức, thủ đoạn phạm tội và che dấu tội phạm ngày càng tinh vi, xảo quyệt; tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội gây ra ngày càng cao.

- Về động cơ gây án: Động cơ của các đối tượng phạm tội cố ý gây thương tích trong những năm tới chủ yếu tập trung vào một số động cơ như: cố ý gây thương tích để giải quyết các mâu thuẫn, thù tức cá nhân; cố ý gây thương tích nhằm thị uy sức mạnh cá nhân hay của một nhóm. Với tính manh động và xem

thường sức khỏe người khác của một bộ phận dân cư hiện nay thì trường hợp cố ý gây thương tích do những mâu thuẫn phát sinh nhất thời trong cuộc sống thường ngày hay nói cách khác cố ý gây thương tích do nguyên nhân xã hội có xu hướng gia tăng.

- Về đối tượng gây án: Đối tượng phạm tội cố ý gây thương tích sẽ hình thành theo băng nhóm, hoạt động có tổ chức, đối tượng có trình độ văn hóa thấp, không nghề nghiệp hay nghề nghiệp không ổn định; số lượng đối tượng phạm tội là công nhân vẫn chiếm tỉ lệ cao, trong đó số công nhân ở các địa phương khác đến lao động là chủ yếu. Về tuổi thì lứa tuổi thanh, thiếu niên, trong đó độ tuổi từ 18 đến 30 tuổi sẽ là độ tuổi có số người phạm tội chiếm tỷ lệ cao. Tuy nhiên, các người có độ tuổi từ 14 đến dưới 18 tuổi có xu hướng tăng. Mặt khác, người phạm tội có thể còn mở rộng sang là người nước ngoài, đó có thể là những nhà đầu tư, chuyên gia đến tỉnh Bình Phước đầu tư làm ăn kinh tế.

- Về thủ đoạn thực hiện tội phạm: Trước tình hình kinh tế xã hội phát triển nhưng còn nhiều biến động, nhất là du nhập các kiến thức mới, những hành vi, nếp sống của thời mở cửa càng làm cho tội phạm ngày càng tinh vi và xảo quyệt hơn. Trong nhiều vụ án, chúng có thể áp dụng nhiều hành vi có sự trợ giúp của phương tiện khoa học kỹ thuật, được tính toán kỹ lưỡng trong việc thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, càng làm cho hành vi phạm tội của tội phạm ngày càng phức tạp hơn, công tác thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ trong điều tra loại tội phạm này sẽ gặp nhiều khó khăn.

- Về thủ đoạn che giấu tội phạm: Ngoài những thủ đoạn cũ như dựng hiện trường giả, tiêu hủy công cụ, phương tiện gây án, tiêu hủy giấy tờ tài liệu có liên quan, bỏ trốn khỏi hiện trường... thời gian tới sẽ xuất hiện thủ đoạn đối phó với hoạt động thu thập chứng cứ của các cơ quan chức năng, ví dụ: Đối tượng sẽ không bỏ trốn mà quay lại hiện trường thăm dò thông tin từ CQĐT, báo tin giả cho CQĐT, tạo dư luận sai về vụ án, thậm chí làm cả người làm chứng, tham gia phụ giúp CQĐT trong việc thu thập chứng cứ.

- Công cụ, phương tiện gây án: Với tính chất của các vụ phạm tội cũng như đối tượng phạm tội cố ý gây thương tích hiện nay trong thời gian tới, công cụ, phương tiện gây án sẽ rất phong phú và đa dạng. Vũ khí lạnh như dao, mã tấu, kiếm nhật vẫn được sử dụng nhiều. Bên cạnh đó, các loại vũ khí nóng như súng, lựu đạn, công cụ hỗ trợ như: Súng điện, roi điện, bình xịt hơi cay, bình xịt gây mê... vẫn được các đối tượng sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội. Đặc biệt là các loại súng tự tạo sẽ được các đối tượng sử dụng khi gây án.

- Về địa bàn xảy ra tội phạm: Tội phạm cố ý gây thương tích xảy ra trên tất cả các huyện, thị trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Tuy nhiên, tội phạm này vẫn sẽ tập trung nhiều ở những nơi có nhiều khu công nghiệp và phức tạp về thành phần dân cư, địa bàn giáp ranh như: Đồng Phú, Chơn Thành, Đồng Xoài, Bình Long, Bù Gia Mập, Lộc Ninh, Bù Đốp

- Về nạn nhân: Ngoài những người có mâu thuẫn, thù tức ghen tuông với người phạm tội thì nạn nhân sẽ là những người hiền lành, hoặc có khó khăn về kinh tế, hoặc thiếu nợ chưa kịp thanh toán do tính côn đồ hung hãn của người phạm tội.

Từ những nội dung dự báo trên, chúng tôi thấy trong thời gian tới tình hình tội phạm cố ý gây thương tích sẽ rất phức tạp, hoạt động thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ trong điều tra tội cố ý gây thương tích theo chúng tôi sẽ hết sức khó khăn. Vì vậy, CQĐT phải không ngừng nỗ lực, hoàn thiện và có những phương án hợp lý để chủ động trong công tác phòng ngừa và đấu tranh chống loại tội phạm này.

### **3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ trong điều tra tội cố ý gây thương tích theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Bình Phước**

#### ***3.2.1. Tiếp tục hoàn thiện, hướng dẫn thực hiện các quy định về hoạt động thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ trong điều tra tội cố ý gây thương tích***

Để nâng cao hiệu quả của hoạt động thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ trong điều tra tội cố ý gây thương tích thì sự hoàn thiện hệ thống các quy định của pháp luật giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 những quy định liên quan đến chứng cứ còn nhiều bất cập như khái niệm “những gì là có

thật” còn chưa rõ ràng gây nhầm lẫn giữa chứng cứ và nguồn chứng cứ; chứng cứ “được thu thập theo trình tự thủ tục do Bộ luật này quy định” là chưa phù hợp cả về biện pháp và thời điểm thu thập chứng cứ; chủ thể thu thập chứng cứ chỉ quy định gồm các cơ quan tiến hành tố tụng là không phù hợp; quy định về nguồn chứng cứ được ghi nhận chủ yếu bằng văn bản, thiếu các phương tiện điện tử (ghi âm, ghi hình) để ghi nhận; chưa có các nguyên tắc thu thập và loại trừ chứng cứ; chỉ mới quy định về phạm vi chứng minh, chưa có quy định về giới hạn chứng minh... do vậy chưa đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình mới. Ngày 27/11/2015 tại kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa XIII đã thông qua BLTTHS năm 2015 với nhiều điểm mới, trong đó giành riêng Chương VI “Chứng minh và chứng cứ” với những thay đổi cơ bản, như sau:

- Hoàn thiện khái niệm về chứng cứ theo hướng không chỉ cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng mới được quyền thu thập chứng cứ, mà người bị buộc tội, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác cũng có quyền thu thập và cung cấp chứng cứ

- Mở rộng nguồn chứng cứ: Dữ liệu điện tử; định giá tài sản; Biên bản về hoạt động khởi tố, truy tố, thi hành án; Kết quả thực hiện ủy thác tư pháp và hợp tác quốc tế khác trong đấu tranh chống tội phạm.

Tuy nhiên, để nâng cao hiệu quả thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ trong điều tra các vụ án có ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, việc hoàn thiện và đảm bảo áp dụng các quy định của BLHS, BLTTHS là rất cần thiết.

#### *3.2.1.1. Hoàn thiện Bộ luật hình sự:*

Cần nghiên cứu hoàn thiện và hướng dẫn áp dụng các nội dung sau:

- Không nên quy định hành vi gây tổn hại cho sức khỏe ở Điều 105, Điều 106 BLHS về trường hợp phạm tội trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh hay vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng để phù hợp với đặc điểm tâm lý người phạm tội.

- Quy định hay giải thích cụ thể thế nào là công cụ, phương tiện nguy hiểm; thế nào là phạm tội có tính chất côn đồ... để đảm bảo xác định đúng phạm vi và giới hạn chứng minh...

#### *3.2.1.2. Hoàn thiện Bộ luật tố tụng hình sự:*

- BLTTHS 2015 đã bổ sung các hoạt động điều tra như ghi âm, ghi hình; cho phép sử dụng các biện pháp điều tra đặc biệt như nghe lén điện thoại, quay camera, truy cập dữ liệu điện tử cá nhân... nhằm nâng cao hiệu quả điều tra. Tuy nhiên, Bộ luật lại không quy định thủ tục thu giữ, bảo quản, sử dụng các chứng cứ có được trong các hoạt động đó như thế nào...

- Quy định về giới hạn chứng minh.

- Quy định một số hoạt động điều tra thu thập chứng cứ phải ra quyết định như khám nghiệm tử thi, xem xét dấu vết trên thân thể...

- Quy định bắt buộc sự có mặt của KSV trong một số hoạt động điều tra như thực nghiệm điều tra, thực hiện việc thu giữ thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm...

#### ***3.2.2. Nâng cao hiệu quả hoạt động thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ trong điều tra tội cố ý gây thương tích***

##### *3.2.2.1. Nâng cao hiệu quả hoạt động thu thập chứng cứ.*

Để nâng cao hiệu quả điều tra khám phá VAHS nói chung và vụ án cố ý gây thương tích nói riêng, thì hoạt động thu thập chứng cứ là một hoạt động có ý nghĩa rất quan trọng đòi hỏi CQĐT phải coi trọng và thực hiện có hiệu quả. Vì vậy, trong thời gian tới cần coi trọng hơn nữa và thực hiện có hiệu quả hoạt động này. Cụ thể là:

- Nâng cao nhận thức về hoạt động thu thập chứng cứ trong điều tra tội cố ý gây thương tích cho lực lượng ĐTV, cán bộ điều tra và trinh sát viên.

- CQĐT phải có những biện pháp đặc biệt để tìm tòi, phát hiện những thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt của tội phạm nhằm phục vụ cho hoạt động điều tra công khai làm rõ sự thật vụ án đã xảy ra. Bên cạnh việc sử dụng các biện pháp công khai được pháp luật quy định để thu thập chứng cứ thì CQĐT phải tiến hành một số biện pháp trinh sát bí mật để phát hiện tội phạm và người phạm tội, nhất thiết ĐTV phải



đánh giá đúng vai trò của các biện pháp trinh sát trong việc hỗ trợ các biện pháp thu thập chứng cứ.

- Tăng cường hoạt động phối hợp trong khám nghiệm hiện trường. Khi đến hiện trường vụ án ĐTV phối hợp tốt với lực lượng bảo vệ hiện trường, lực lượng kỹ thuật hình sự khoanh vùng, thu thập bảo quản chứng cứ; không qua loa đại khái trong khám nghiệm hiện trường đối với những vụ án phạm tội quả tang.

+ Hoạt động khám nghiệm tử thi phải được thực hiện thận trọng, chi tiết, tỉ mỉ, mô tả đầy đủ các dấu vết trên tử thi, kể cả những dấu vết ĐTV thấy chưa có sự liên quan đến hành vi phạm tội, tất cả các hoạt động này đều phải được ghi nhận đầy đủ, khoa học vào trong biên bản khám nghiệm.

- Trong hoạt động lấy lời khai người làm chứng, người bị hại, ĐTV phải luôn động viên, trấn an tinh thần đối với họ, phải có phương pháp gợi nhớ cụ thể từng phần, từng chi tiết có liên quan đến vụ án, những câu hỏi đặt ra phải ngắn gọn; khi lấy sinh cung của người bị hại nên sử dụng máy ghi âm và mời cán bộ y tế tham dự, nếu người bị hại không thể nói được có thể cho họ viết lời khai ra giấy, có thể cho họ nhận dạng qua ảnh khi có ảnh của đối tượng nghi vấn.

- Trước khi hỏi cung bị can các vụ án cố ý gây thương tích cần chú ý nghiên cứu nắm vững hồ sơ, tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, kể cả những tài liệu trinh sát cũng như các đặc điểm nhân thân của bị can nhằm xác định, lựa chọn phương pháp, chiến thuật hỏi cung cho phù hợp.

- Trong hoạt động khám xét phải tuyệt đối nghiêm chỉnh tuân theo pháp luật, và phải đảm bảo yêu cầu về nghiệp vụ là bí mật, bất ngờ. Trước khi khám xét phải nghiên cứu kỹ các đặc điểm của đối tượng khám xét, lập kế hoạch khám xét trong đó phải xác định được mục đích, yêu cầu cuộc khám xét, thời gian tiến hành khám xét, dự kiến thành phần, lực lượng tiến hành và tham gia khám xét, dự kiến quá trình khám xét và những tình huống phức tạp có thể xảy ra và các biện pháp giải quyết. Trong mọi trường hợp việc khám xét đều phải lập biên bản theo đúng quy định của pháp luật.

Khi thu thập chứng cứ, cần thực hiện các thủ tục chủ yếu theo quy định của BLTTHS là:

- Thủ tục giải thích quyền và nghĩa vụ cho người tham gia tố tụng bị áp dụng các biện pháp điều tra.

- Thủ tục chứng kiến: Theo quy định của BLTTHS năm 2003 trong một số hoạt động tố tụng hình sự phải có sự chứng kiến của người láng giềng, của đại diện chính quyền cấp cơ sở, đại diện cơ quan, tổ chức.

- Thủ tục thông báo cho VKS trong thực hiện các biện pháp điều tra thu thập chứng cứ theo quy định của BLTTHS như khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi (Điều 150, 151 BLTTHS); thu giữ thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm tại bưu điện (Điều 144)...

+ Thủ tục lập biên bản theo Điều 95 BLTTHS khi tiến hành các hoạt động tố tụng.

+ Thủ tục ra văn bản áp dụng đối với một số biện pháp thu thập chứng cứ như khám người, chỗ ở, chỗ làm việc, địa điểm (Điều 141, Điều 142 và Điều 143 BLTTHS), trung cầu giám định, khai quật tử thi để khám nghiệm, phải ra quyết định bằng văn bản trước khi thi hành.

#### *3.2.2.2. Nâng cao hiệu quả hoạt động đánh giá chứng cứ:*

Để nâng cao hiệu quả hoạt động đánh giá chứng cứ trong thời gian tới cần CQĐT cần thực hiện tốt các nội dung sau đây:

- Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của hoạt động đánh giá chứng cứ cho lực lượng trực tiếp tiến hành cũng như lực lượng tham gia vào hoạt động điều tra. Mỗi chứng cứ thu thập được đều phải được đánh giá riêng về từng thuộc tính và giá trị chứng minh của nó đồng thời nó cũng phải được đưa vào trong toàn bộ hệ thống chứng cứ của vụ án để đánh giá. Đánh giá chứng cứ trong điều tra vụ án có ý gây thương tích đối với CQĐT và những người tham gia điều tra được tiến hành trên cơ sở những hiểu biết của mình về những tài liệu thu thập được, dựa trên cơ sở những quy định của pháp luật, ý thức pháp luật, niềm tin nội tâm để xác định độ tin cậy và giá trị chứng minh của từng chứng cứ cũng như cả hệ thống chứng cứ trong

vụ án. Việc đánh giá chứng cứ luôn luôn gắn liền với quá trình điều tra nhằm làm sáng tỏ toàn bộ sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ.

- Trong thực tiễn điều tra các vụ án cố ý gây thương tích, CQĐT cần phải xem xét tính đúng đắn của các chứng cứ đã thu nhập được từ những nguồn khác nhau như: lời khai của người làm chứng, lời cung bị can, kết luận của giám định viên... Để thực hiện được điều này CQĐT phải đánh giá toàn diện các chứng cứ về mặt nội dung thông tin chứa đựng trong từng nguồn chứng cứ khác nhau. Vì vậy, CQĐT phải sử dụng tổng hợp, linh hoạt các phương pháp sau:

+ Phương pháp “chi tiết hoá lời khai”. Bản chất của phương pháp này là, khi lấy lời khai cần đưa ra lời khai tỉ mỉ và chi tiết hơn. Nếu lời khai mà gian dối thì hỏi càng chi tiết thì lời khai đó càng bộc lộ mâu thuẫn với logic của thực tế khách quan, trường hợp lời khai không thể chi tiết, tỉ mỉ được do yếu tố tâm lý hoặc không thể mô tả, thì không được ép theo ý chí chủ quan của ĐTV, cán bộ điều tra mà dẫn đến không khách quan, mà cần phải sử dụng chứng cứ khác để đánh giá như các bị can trong vụ án 5 nêu trên chỉ nhớ dùng dao đâm chém nhiều cái, không nhớ cụ thể là mấy cái và đâm vào vị trí nào trên thân thể bị hại, do bị can đã uống rượu, nếu sử dụng chứng cứ khác là biên bản kiểm tra dấu vết trên thân thể bị hại, kết quả giám định, lời khai bị hại để bị can khai đánh mấy cái vào đúng vị trí trên người bị hại rõ ràng lời khai này của bị can là không khách quan.

+ Phương pháp so sánh: Phương pháp này thường được áp dụng để xác định độ tin cậy của chứng cứ đang đánh giá là việc đối chiếu, so sánh chứng cứ này với các chứng cứ khác, như đối chiếu lời khai với dấu vết, vật chứng... Bản chất của phương pháp này là đặt các nguồn chứng cứ thu thập được trong một tổng thể thống nhất và đánh giá từng chứng cứ trong mối liên hệ logic về nội dung phản ánh với các chứng cứ khác. Nếu các chứng cứ đều phản ánh thống nhất một nội dung nào đó của vụ án thì điều đó chứng tỏ vụ án đang được điều tra đúng hướng. Như các vụ án nêu trên: Sau khi đánh nhau, bên bị hại đưa người bị hại đi cấp cứu, phía bị can thì bỏ chạy, hiện trường còn lại là các vết máu, các đồ vật sinh hoạt để lộn xộn... chứng cứ ban đầu là lời khai nhân chứng, các dấu vết vật chứng thu tại hiện trường, sau đó

là lời khai bị hại, kết luận giám định về sức khỏe, về cơ chế hình thành vết thương, lời khai bị can, thu giữ vật chứng là con dao... để có nội dung các vụ án nêu được như trên là cả quá trình áp dụng nhiều phương pháp, trong đó phương pháp thu thập so sánh chứng cứ được áp dụng liên tục sau mỗi lần thu thập được chứng cứ mới...

+ Phương pháp đánh giá từng chứng cứ: Đánh giá từng chứng cứ là phương pháp xem xét từng chứng cứ riêng biệt để kết luận về độ tin cậy và giá trị chứng minh của mỗi chứng cứ đó. Để nâng cao hiệu quả của hoạt động đánh giá chứng cứ cần phải tiến hành đánh giá thận trọng từng chứng cứ, đánh giá các yếu tố khách quan và chủ quan ảnh hưởng đến chất lượng của chứng cứ. Đối với lời khai người làm chứng thì cần xem xét tính cụ thể, tính ổn định, tính chính xác, tính không mâu thuẫn giữa các tính tiết trong lời khai đó và sự phù hợp của chúng với các chứng cứ khác. Ngoài ra còn phải chú ý đến vị trí của người làm chứng trong vụ án, có hay không có các yếu tố ảnh hưởng đến sự khai báo đúng đắn, giả dối hay nhầm lẫn của người làm chứng. Đánh giá lời khai của bị can phải chú ý tới có hay không những mâu thuẫn và mối liên hệ của những mâu thuẫn đó với các tài liệu khác của vụ án, động cơ khai báo... để trên cơ sở này mà giả định việc khai báo của bị can là trung thực hay gian dối, các tài liệu khác là đúng hay bị giả mạo... từ đó rút ra giá trị chứng minh của từng chứng cứ.

+ Phương pháp đánh giá tổng hợp chứng cứ: Đánh giá tổng hợp chứng cứ là đánh giá các chứng cứ trong một hệ thống có mối quan hệ chặt chẽ với nhau nhằm xác định giá trị chứng minh của chúng đối với việc làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án. Để đánh giá tổng hợp chứng cứ có hiệu quả, đòi hỏi CQĐT phải đặt chứng cứ trong hệ thống chứng cứ của vụ án xem chúng có liên quan với nhau hay không, mối quan hệ của chúng với nhau như thế nào, sau đó tổng hợp lại và rút ra sự thật của vụ án trên cơ sở khách quan, vô tư và công tâm của người đánh giá.

- Trong các vụ án cố ý gây thương tích đòi hỏi phải có nhiều lực lượng ĐTV, kỹ thuật hình sự, Kiểm sát viên cùng tham gia vào quá trình đánh giá chứng cứ ở các khâu, các giai đoạn khác nhau cần phải có sự phối hợp, sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ, phải có kế hoạch cụ thể của điều tra viên, Yêu cầu điều tra của Kiểm sát

viên, có sự phân công trách nhiệm rõ ràng đối với từng lực lượng trong suốt quá trình chứng minh vụ án.

- CQĐT trong quá trình đánh giá chứng cứ xem xét một cách thận trọng, tỉ mỉ, khách quan về nguồn gốc hình thành của chứng cứ, cũng như cơ chế hình thành, tồn tại, biến mất của chứng cứ để đưa ra những nhận định, đánh giá khách quan, khoa học về mặt nội dung và hình thức tổ tụng của mỗi chứng cứ khi đưa ra đánh giá. Để đánh giá tính đúng đắn của kết luận giám định, cần phải xuất phát từ trình độ học vấn của giám định viên (theo nghĩa tri thức chuyên môn của họ), sự hoàn bị và chính xác của các phương tiện được áp dụng trong nghiên cứu, tính đầy đủ của các tài liệu mà giám định viên sử dụng để đưa ra kết luận, tính có căn cứ, tính phù hợp của kết luận giám định với các chứng cứ khác, tính lôgic trong lập luận của giám định viên trong quá trình giám định; để giải quyết vấn đề về độ tin cậy của các tình tiết trong các tài liệu viết, cần phải xem xét việc có hay không sự sao chép phù hợp với bản gốc (nếu đó là bản sao), phải xem xét có hay không những mâu thuẫn giữa các tình tiết trong chính tài liệu đó và sự phù hợp của chúng với các chứng cứ khác đã xác định được về vụ án.

### *3.2.2.3. Nâng cao hiệu quả hoạt động sử dụng chứng cứ*

Để nâng cao hiệu quả hoạt động sử dụng chứng cứ trong điều tra vụ án cố ý gây thương tích, CQĐT cần quán triệt thực hiện một số nội dung sau:

- Từ những chứng cứ đã thu thập được, CQĐT sử dụng những chứng cứ này để phát hiện, thu thập chứng cứ mới và sử dụng ngay những chứng cứ mới để kiểm tra việc sử dụng những chứng cứ đã có. Chẳng hạn, sử dụng lời khai của người bị hại, người làm chứng để tiến hành thu thập chứng cứ thông qua biện pháp khám xét, sử dụng kết quả giám định để đấu tranh với đối tượng, thu thập chứng cứ thông qua bản cung của đối tượng và ngược lại.

- Dựa trên cơ sở những tài liệu, chứng cứ đã có, CQĐT xây dựng các giả thuyết điều tra. Khi vụ án cố ý gây thương tích xảy ra, đặc biệt là các vụ án mà thông tin, tài liệu đối tượng để lại mờ nhạt, không đủ giá trị để chứng minh các tình tiết có liên quan của vụ án, thì việc sử dụng chứng cứ đã thu thập được như những

cơ sở khoa học để xây dựng giả thuyết điều tra nhằm điều tra vụ án, thu thập thêm những chứng cứ mới.

- Sử dụng chứng cứ để ra các quyết định tố tụng: Để đáp ứng kịp thời, hiệu quả quá trình chứng minh vụ án, áp dụng các biện pháp ngăn chặn kịp thời nhằm phục vụ cho việc khắc phục hậu quả, truy tố và xét xử đối tượng. Khi kết thúc điều tra vụ án, CQĐT tổng hợp các chứng cứ đã thu thập, sử dụng trong việc chứng minh các tình tiết của vụ án và đưa ra bản kết luận điều tra.

- Không được thiên lệch trong sử dụng chứng cứ, chỉ coi trọng sử dụng chứng cứ trực tiếp mà coi nhẹ chứng cứ gián tiếp, sử dụng chứng cứ buộc tội còn phải sử dụng đúng dẫn chứng cứ gỡ tội và ngược lại.

- Không được phép sử dụng chứng cứ theo suy đoán chủ quan ngoài khả năng chứng minh của chứng cứ.

- Phải sử dụng hết giá trị chứng minh của những chứng cứ đã có thể kết luận đầy đủ và chính xác về vụ án cố ý gây thương tích, không bỏ lọt đối tượng, bỏ lọt tội danh, đặc biệt là những vụ gây thương tích có tổ chức, vi hành vi đê hèn, hoặc đối tượng gây ra các vụ gây thương tích số lượng nạn nhân lớn...

- Khi sử dụng vật chứng phải đảm bảo không được làm mất mát, hư hỏng, thất lạc vật chứng. Vì vật chứng không thể sử dụng một lần trong giai đoạn điều tra, mà còn phải sử dụng trong các giai đoạn tố tụng khác, đặc biệt là ở giai đoạn xét xử vụ án, hơn nữa vật chứng không thể thay thế được.

- Khi sử dụng chứng cứ cần chú ý vào đặc điểm loại của chứng cứ, nhất là những chứng cứ từ lời khai và chứng cứ gián tiếp.

### ***3.2.3. Các giải pháp khác***

Ngoài việc hoàn thiện và bảo đảm thực hiện pháp luật, thực hiện các biện pháp cụ thể trong hoạt động thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ, cần thực hiện các giải pháp khác để nâng cao hiệu quả hoạt động này. Đó là:

- Thường xuyên sơ kết, tổng kết thực tiễn công tác thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ trong điều tra các vụ án về tội cố ý gây thương tích để rút ra các bài

học kinh nghiệm, phát huy các ưu điểm, phát hiện và khắc phục những thiếu sót, hạn chế.

- Đề hoạt động thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ trong điều tra tội cố ý gây thương tích đạt hiệu quả cao nhất, CQĐT cần được sự quan tâm hơn nữa trong việc trang bị đầy đủ các điều kiện về cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật để thực hiện có hiệu quả các biện pháp điều tra công khai cũng như các biện pháp điều tra trinh sát. Để không ngừng hoàn thiện và đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra trong điều kiện bùng nổ của công nghệ thông tin và khoa học kỹ thuật phát triển; thủ đoạn thực hiện tội phạm và che giấu hành vi của tội phạm cũng ngày càng tinh vi hơn; các biện pháp điều tra mới được bổ sung trong BLTTHS 2015... Cụ thể là:

+ Tăng cường kinh phí cho hoạt động thông tin liên lạc, tăng tiền án phí, phục vụ công tác phòng chống tội phạm nói chung và hoạt động thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ trong điều tra vụ án cố ý gây thương tích nói riêng, đồng thời phải có chế độ đãi ngộ, khen thưởng hợp lý, kịp thời đối với Điều tra viên khi họ lập công nhằm động viên và tạo tâm lý yên tâm công tác đối với họ.

+ Tăng cường trang bị cho CQĐT một số phương tiện như: máy chụp ảnh kỹ thuật số, máy ghi âm, ống nhòm hồng ngoại, máy quay phim có khả năng quay ban đêm, bộ đàm loại nhỏ, con chip định vị... để phục vụ có hiệu quả cho hoạt động trinh sát và hoạt động điều tra theo tồ tụng nhằm thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ đạt hiệu quả cao nhất phục vụ kịp thời cho quá trình chứng minh vụ án.

+ Trang bị thêm các phương tiện, công cụ hỗ trợ như: trang bị thêm xe ô tô, xe máy... cho Công an các địa phương.

### **Kết luận chương 3**

Trên cơ sở tình hình kinh tế, xã hội và các điều kiện khách quan cũng như chủ quan, tình hình tội phạm nói chung, tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn tỉnh Bình Phước sẽ xảy ra phức tạp và có xu hướng tăng. Điều đó đòi hỏi phải có những giải pháp nâng cao hiệu quả điều tra nói chung, hoạt động thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ nói riêng trong hoạt động điều tra loại tội phạm này.

Theo tác giả, các giải pháp này bao gồm: 1/ Hoàn thiện và bảo đảm thực hiện quy định của pháp luật, nhất là BLHS và BLTTHS; 2/ Các biện pháp cụ thể trong thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ; 3/ Nâng cao trình độ, năng lực ĐTV, cán bộ điều tra, cán bộ trinh sát; 4/ Tăng cường công tác bảo đảm cho hoạt động điều tra các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.



## KẾT LUẬN

1. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn hoạt động thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ trong điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác xảy ra trên địa bàn tỉnh Bình Phước trong những năm gần đây, từ đó đề xuất giải pháp góp phần hoàn thiện hoạt động thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ trong điều tra các vụ án về tội cố ý gây thương tích là việc làm rất cần thiết trong giai đoạn hiện nay. Nhận thức như vậy, tác giả đã tiến hành nghiên cứu một cách tương đối toàn diện và có hệ thống cả về phương diện lý luận và đúc rút từ thực tiễn kết quả điều tra các vụ án cố ý gây thương tích xảy ra trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2. Từ nghiên cứu lý luận và thực tiễn tác giả đã nêu lên được những nhận thức chung về phương pháp thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ trong các vụ án cố ý gây thương tích cũng như đặc điểm tình hình có liên quan, thực trạng tình hình và đặc điểm hình sự của tội phạm cố ý gây thương tích. Tác giả cũng khái quát, dựng lên bức tranh toàn cảnh về hoạt động thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ của CQĐT. Tác giả cũng phân tích từ phương tiện nhiệm vụ của hoạt động này cho đến từng giải pháp cụ thể.

3. Trên cơ sở phân tích toàn diện hoạt động thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ trong điều tra tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác, tác giả đã nêu ra những thiếu sót, khó khăn cũng như những nguyên nhân của việc hạn chế hiệu quả công tác thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ và mạnh dạn đưa ra các giải pháp cụ thể góp phần nâng cao công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm cố ý gây thương tích. Những giải pháp này không chỉ có ý nghĩa thực tiễn mà còn góp phần hoàn thiện lý luận thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ trong công tác điều tra khám phá tội phạm cố ý gây thương tích. Qua đó, CQĐT có thể vận dụng để không ngừng nâng cao hiệu quả công tác điều tra tội phạm nói chung và tội phạm cố ý gây thương tích nói riêng.

4. Trong giới hạn phạm vi, nội dung và thời gian cho phép, luận văn tập trung nghiên cứu các hoạt động thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ trong điều tra

tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác theo pháp luật Tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Bình Phước. Đây là vấn đề khá phức tạp cả về lý luận và thực tiễn, mặc dù tác giả đã có nhiều cố gắng, song do kinh nghiệm và năng lực nghiên cứu còn hạn chế nên luận văn chắc chắn khó tránh khỏi những tồn tại, thiếu sót. Tác giả mong nhận được sự góp ý của quý thầy, cô, các nhà khoa học, các chuyên gia trong lĩnh vực này và các đồng nghiệp để luận văn được hoàn chỉnh hơn.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Công an (2004), *Thông tư số 12/2004/TT-BCA(V19) ngày 23 tháng 9 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn thi hành một số quy định của Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004 trong Công an nhân dân*, Hà Nội.
2. Chính phủ (2016), *Quyết định số:1379/QĐ-Tg ngày 17 tháng 3 năm 2016 của Thủ tướng chính phủ về việc ban hành chương trình thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về công tác phòng, chống vi phạm pháp luật, công tác thi hành án năm 2016 và các năm tiếp theo*, Hà Nội.
3. Công an tỉnh Bình Phước (2011 - 2015), *Các báo cáo tổng kết công tác của lực lượng cảnh sát điều tra từ năm 2011 đến năm 2015*.
4. Nguyễn Văn Cừ (2005), *Chứng cứ trong Luật tố tụng Hình sự Việt Nam*, Nhà xuất bản Tư Pháp, Hà Nội.
5. Đỗ Văn Đương (2006), *Chứng cứ và chứng minh trong vụ án hình sự*, Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội
6. Học viện Cảnh sát nhân dân (1998), *Giáo trình Lý luận và phương pháp luận của khoa học điều tra hình sự*, Hà Nội.
7. Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật Bộ Công an (2002), *Tài liệu tập huấn chuyên sâu về Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003*, Hà Nội.
8. Trần Minh Hường, Trịnh Tiên Việt (2011), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn áp dụng pháp luật tố tụng hình sự ở Việt Nam*, Nhà xuất bản Lao Động, Hà Nội.
9. Đoàn Tấn Minh (2010), *Phương pháp định tội danh và hướng dẫn định tội danh đối với các tội phạm trong BLHS hiện hành*, Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội.
10. Nguyễn Văn Nhật (2002), *Giả thuyết điều tra vụ án hình sự*, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội.
11. Quốc hội (2003), *Bộ luật Tố tụng hình sự 2003*, Nxb Tư pháp, Hà Nội
12. Quốc hội (2009), *Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội.

13. Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*, Hà Nội.
14. Quốc hội (2015), *Bộ luật hình sự 2015*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
15. Quốc hội (2015), *Bộ luật Tố tụng hình sự 2015*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
16. Trần Duy Thanh (2004), *Hệ thống chứng cứ trong điều tra các vụ án tham ô tài sản*, Luận văn cao học, Học viện CSND.
17. Lê Hữu Thê, Đỗ Văn Dương, Nguyễn Thị Thủy (2013), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách của việc đổi mới thủ tục tố tụng hình sự đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
18. Đặng Văn Thực, Trần Quỳnh Hoa (2015), *Cần sửa đổi bổ sung các quy định về chứng cứ và thu thập chứng cứ trong Bộ luật tố tụng hình sự*, Tạp chí kiểm sát, (số 11), tr 35-36.
19. Nguyễn Thanh Tùng (2004), *Hoạt động thu thập, đánh giá và sử dụng chứng cứ trong điều tra các vụ án có ý gây thương tích trên địa bàn thành phố Hà Nội, thực trạng và các giải pháp nâng cao hiệu quả*, Luận văn thạc sĩ luật học, Học viện Cảnh sát nhân dân, Hà Nội.
20. Ủy ban thường vụ Quốc hội (2005), *Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
21. Viện KSND tỉnh Bình Phước (2016), *Báo cáo chuyên đề rút kinh nghiệm các vụ án hình sự để xảy ra oan, sai năm 2015*; Bình Phước.
22. Viện KSND tỉnh Bình Phước (2016), *Báo cáo sơ kết quy chế phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong tỉnh Bình Phước trong giải quyết các vụ án hình sự từ năm 2012 đến 2016*, Bình Phước.
23. Viện KSND Tối cao (2013), *Chuyên đề Thực trạng việc cải sửa, hủy các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe ở cấp phúc thẩm trung ương – Nguyên nhân, giải pháp*, Hà Nội.

24. Viện KSND Tối Cao (2015), *Tài liệu giới thiệu các Bộ luật năm 2015*, Hà Nội.
25. Viện KSND Tối cao (2016), *Hội nghị rút kinh nghiệm án hình sự Viện kiểm sát truy tố, Tòa án tuyên bị cáo không phạm tội hoặc hủy để điều tra xét xử lại*, TP. Hồ Chí Minh.
26. Viện khoa học hình sự (1989), *Một số vấn đề về sự tương quan giữa chứng cứ vật chất và chứng cứ tinh thần trong lập chứng cứ tụng*, Hà Nội.
27. Viện nghiên cứu khoa học pháp lý (2000), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự*, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội.
28. Viện ngôn ngữ học Việt Nam (1998), *Từ điển tiếng việt*, Nhà xuất bản Thanh Hóa, Thanh Hóa.
29. Võ Khánh Vinh (2002), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội.
30. Võ Khánh Vinh (2004) *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự*, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội.
31. Võ Khánh Vinh (2013), *Lý luận chung về định tội danh*, Nhà xuất bản khoa học xã hội, Hà Nội.
32. Võ Khánh Vinh (2014) *Luật hình sự Việt Nam phân chung*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.
33. Lương Hải Yến (2016), *Bàn về hoạt động kiểm tra, đánh giá chứng cứ của Viện kiểm sát trong giai đoạn điều tra, truy tố các vụ án hình sự theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015*, Tạp chí khoa học kiểm sát, số (03), tr 33-35

## PHỤ LỤC

**Bảng 2.1: Tình hình tội phạm về Trật tự - Xã hội trên địa bàn tỉnh Bình Phước từ năm 2011 đến năm 2015.**

<b>STT</b>	<b>Năm</b>	<b>Tổng</b>	<b>Tội giết người</b>	<b>Tội Cố ý gây thương tích</b>	<b>Tội Trộm cắp tài sản</b>	<b>Các tội phạm khác</b>
01	2011	906/1805	37/61	155/301	283/448	431/995
02	2012	857/1887	32/40	146/281	258/483	421/1083
03	2013	1011/2152	31/56	150/313	301/456	529/1327
04	2014	982/1927	34/57	125/219	349/533	474/1118
05	2015	908/1539	24/32	137/202	321/492	426/813
06	Tổng	4664/9310	158/246	740/1316	1512/2412	2281/5336

Nguồn: Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bình Phước [3]

**Bảng 2.2: Tình hình tội phạm Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn tỉnh Bình Phước từ năm 2011 đến năm 2015.**

<b>STT</b>	<b>Năm</b>	<b>Tổng vụ/bị can</b>	<b>TT-XH</b>	<b>104-106</b>	<b>So với cùng kỳ năm trước</b>	<b>Tỷ lệ %/vụ so với TT-XH</b>	<b>Tỷ lệ %/vụ so với tổng số khởi tố</b>
01	2011	993/1952	906/1805	157/303	Tăng 07/12	17.3%	15.8%
02	2012	952/2052	857/1887	146/281	Giảm 11/22	17%	15.3%
03	2013	1106/2292	1011/2152	150/313	Tăng 04/32	14.8%	13.6%
04	2014	1087/2057	982/1927	125/219	Giảm 25/94	12.7%	11.5%
05	2015	1000/1663	908/1539	138/203	Tăng 13 vụ giảm 16 bị can	15.2%	14%
06	Tổng	5138/10016	4664/9310	716/1319	–	15.4%	14%

Nguồn: Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bình Phước [3]

**Bảng 2.3: Thống kê về độ tuổi của người phạm tội Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn tỉnh Bình Phước từ năm 2011 đến năm 2015.**

<b>STT</b>	<b>Năm</b>	<b>Tổng</b>	<b>Từ 16 – dưới 18</b>	<b>Từ 18 – dưới 30</b>	<b>Từ 30 tuổi trở lên</b>
01	2011	304	60	204	40
02	2012	281	52	185	44
03	2013	313	68	195	50
04	2014	219	57	130	32
05	2015	203	50	120	33
06	Tổng	1320	287	834	199
07	Tỷ lệ %	100%	21,74%	63,18%	15,07%

Nguồn: Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bình Phước [3]



**Bảng 2.4: Thống kê về nghề nghiệp của người phạm tội Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn tỉnh Bình Phước từ năm 2011 đến 2015.**

<b>STT</b>	<b>Năm</b>	<b>Tổng</b>	<b>Học sinh, sinh viên</b>	<b>Nghề nghiệp ổn định</b>	<b>Nghề nghiệp không ổn định</b>	<b>Không có nghề nghiệp</b>
01	2011	304	40	60	174	30
02	2012	281	32	54	171	24
03	2013	313	48	60	175	30
04	2014	219	37	50	112	20
05	2015	203	30	55	103	15
06	Tổng	1320	187	279	735	119
07	Tỷ lệ %	100%	14,16%	21,13%	55,68%	9,01%

Nguồn: Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bình Phước [3]

**Bảng 2.5: Thống kê về nơi cư trú của người phạm tội Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn tỉnh Bình Phước từ năm 2011 đến năm 2015.**

<b>STT</b>	<b>Năm</b>	<b>Tổng</b>	<b>Cư trú tại Bình Phước</b>	<b>Cư trú nơi khác</b>	<b>Lang thang, vô gia cư</b>
01	2011	304	157	127	20
02	2012	281	149	115	17
03	2013	313	153	141	19
04	2014	219	140	58	21
05	2015	203	143	42	18
06	Tổng	1320	742	483	95
07	Tỷ lệ %	100%	56.21%	36.59%	7.19%

Nguồn: Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bình Phước [3]